TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng;

2. Bà Tưởng Thị Thu;

- Thư ký phiên tòa:

+ Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

+ Bà Lường Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 06 tháng 5 đến ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HS, ngày 05/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 19/4/2024, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Việt Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/4/1987, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Việt D, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1963; vợ: Tàng Thị P, sinh năm 1993, con: 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2024.

- Nhân thân:

+ Ngày 22/6/2017, bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi Không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nộp phạt ngày 22/6/2017).

+ Ngày 29/12/2020, bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi Đánh nhau (nộp phạt ngày 05/01/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Bàn Văn C, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07/7/1998, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; con ông Bàn Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị D2, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, nhân thân: Không;

- Tiền sự: Ngày 29/01/2021, bị UBND huyện C xử phạt vi phạm hành chính 10.000.000 đồng về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (bị cáo nộp phạt ngày 05/02/2024).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Kiều Xuân T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/01/2005, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Kiều Xuân T2 (đã chết) và bà Lý Thị N, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 28/02/2021, bị UBND thị trấn V, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi Đánh nhau (nộp phạt ngày 08/3/2021).

+ Ngày 28/7/2021 bị UBND thị trấn V, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 375.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (nộp phạt ngày 15/9/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Hoàng Anh T3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/10/2003, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1982; chung sống như vợ chồng với: Hoàng Thu K, sinh năm 2003, con: 01 con sinh năm 2022.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 13/11/2020, bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi Đánh nhau (đã chấp hành nộp phạt).

+ Ngày 29/12/2020, bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi Đánh nhau (đã chấp hành nộp phạt);

+ Ngày 01/4/2021, bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính 175.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép (đã chấp hành nộp phạt).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phùng Văn L2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ I, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Trường Phổ thông dân tộc nội trú, THCS và THPT huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đinh Xuân D2, sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Tạ Thị T4, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Văn T5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm Hồng H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trần Ngọc A1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nông Văn K1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Triệu Thanh H1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngô Đình H2, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Văn L3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Thôn Nà Pồng, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đỗ Mạnh T6, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hà Vĩnh T7, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Vũ Văn T8, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bàn Văn K2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Đức T9, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Thị M, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Phạm Ngọc B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Trần Chung Đ1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Đức H3, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lèng Văn L4, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993. Địa chỉ thường trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Văn T10, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Đỗ Văn N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đoàn Thị Phương T11, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Páo Sám M1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đỗ Thị H5, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Quan Văn T12, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hà Doãn L5, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Bùi Vĩnh T13, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hà Thị Thanh H6, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trương Quang H7, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Thị H8, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Quan Văn T14, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nông Nhật D3, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phùng Thừa P1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Đức H9, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Quân Thành L6, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Quang H10, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ X, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Hà Văn T15, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lý Duy M2, sinh ngày 31/3/2006. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Ma Đình T16, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Thùy D4, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Văn V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Lục Văn T17, sinh ngày 30/9/2006. Người đại diện: Ông Lục Văn M3, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đinh Thị T18, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Văn V1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trần Thị K3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đỗ Ngọc T19, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Trịnh Hoàng H11, sinh năm 2005. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nguyễn Mạnh T20, sinh ngày 28/5/2007. Người đại diện: Ông Nguyễn Đức V2, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trần Ngọc T21, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Khắc Q, sinh ngày 14/10/2006. Người đại diện: Hoàng Khắc Q1. Cùng địa chỉ: T, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đỗ Văn T22, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm Vũ D5, sinh ngày 23/12/2007. Người đại diện: Ông Phạm Quang V3, sinh năm 1980. Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đào Ngọc Đ3, sinh ngày 23/11/2006. Người đại diện: Ông Đào Văn C, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Thị X, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Giáp Ngọc A2, sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngô Gia M4, sinh năm 2005. Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lý Kim C2, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Ma Đức T23, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nguyễn Quyết T24, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Anh D6, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê A3, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Văn H12, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang , có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Văn T25, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Thanh T26, sinh ngày 07/11/2007. Người đại diện: Ông Hoàng Văn T27, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

+ Phùng Thị L7, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nông Văn C3, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Ngọc T28, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lâm Đức T29, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Tô Tiến Đ4, sinh năm 1985. Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lương Ngọc H13, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lèng Văn D7, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bàn Văn H14, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Văn T44, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Quân Đức A4, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đặng Ngọc S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Phạm Thị Mai H15, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bàn Hồng S1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Thị X1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ma Văn H16, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Vũ Hải D8, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Mạnh H17, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Vương Quốc V4, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hà Thị Đ5, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hoàng Đức Đ6, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Lê Tuấn N1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Phạm Nhựt N2, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bùi Duy P, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Phạm Tùng T29, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Bàn Tài T30, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Triệu Văn S2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nguyễn Thị H18. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lưu Trọng N3, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Đinh Quang D9, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Bá L8, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Chẩu Thị Thu P1, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nông Văn L9, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Phạm Văn H19, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lâm Thị T31. Địa chỉ: Thôn Húc, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Hữu C4, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .

+ Lý Văn L10, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nông Kim Q2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Trần Văn H20, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Vũ Xuân T32, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Tô Văn T33, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Vũ Thị T34, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Phùng Thị T35, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đàm Văn T36, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Trương Ngọc T37, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nông Tiến N4, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Nguyễn Đình T38, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Tô Văn T39, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Phạm Văn H21, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Trần Quốc T40, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đinh Xuân H22, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Tàng Thị P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Đăng K4, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Hà Đình Đ6, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Ma Văn T41, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Lê Văn T42, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Bùi Thị D10, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bế Ngọc H23. Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Đoàn Quốc T43, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

+ Ma Ngọc Q3, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03/2022, Đỗ Việt Đ, sinh năm 1987, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Bàn Văn C, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã B, huyện C; Khúc Huy D11, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã P, huyện C cùng nhau góp vốn để mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ, trò chơi Bi-a, có địa chỉ tại tổ V, thị trấn V, huyện C (đến tháng 02/2023 chuyển địa điểm kinh doanh đến tổ V, thị trấn V, huyện C). Đỗ Việt Đ góp 195.000.000 đồng, Bàn Văn C góp 65.000.000 đồng, Khúc Huy D11 góp 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình hoạt động kinh doanh chỉ có Đ và C trực tiếp tham gia, Khúc Huy D11 không tham gia vào hoạt động kinh doanh nên không được chia lợi nhuận, do đó đến tháng 8/2022, Khúc Huy D11 rút vốn không tham gia kinh doanh cùng Đ và C. Đ, C thỏa thuận về lợi nhuận thu được sau khi trừ chi phí, Đ sẽ được hưởng 20 triệu đồng/tháng, C 10 triệu đồng/ tháng. Lợi nhuận còn lại sẽ tiếp tục sử dụng để cho vay.

Để phục vụ hoạt động kinh doanh của mình, Đ và C thuê Kiều Xuân T, sinh năm 2005, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Hoàng Anh T3, sinh năm 2003 trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Đinh Quang D9, sinh năm 1988, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Phan Đăng L11, sinh năm 2004, trú tại Tổ 5, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Công việc của D9 và L11 là phụ trách quản lý, trông coi quán Bi-a, còn Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 thực hiện công việc cho khách vay tiền, cầm cố tài sản theo sự phân công cụ thể của Đ và C và trả lương theo tháng. Trong thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 12 năm 2023, Đ và C đã cho nhiều người vay tiền, cầm cố tài sải để vay tiền; Giao cho Hoàng Anh T3 và Kiều Xuân T cho nhiều người vay tiền, cầm cố tài sản để vay tiền, tham gia cùng Đ, C thu tiền nợ với mức lãi suất từ 101,389%/1 năm đến 2433,333%/1 năm (gấp 5,069 lần đến 121,667 lần so với quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự), cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 18/02/2022, Bàn Văn C cho anh Phùng Văn L2, sinh năm 1979, trú tại Tổ I, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 10.000.000 đồng. Từ ngày 18/02/2022 đến ngày 15/3/2022 (25 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L2 tổng số tiền là 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 292%/1 năm), gấp 14,6 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 136.986 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.863.014 đồng.

Ngày 16/3/2022, Bàn Văn C tiếp tục cho anh L2 vay 10.000.000 đồng. Từ ngày 16/3/2022 đến ngày 26/4/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L2 tổng

số tiền là 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,500%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.780.822 đồng.

- Lần 02: Ngày 18/3/2023, Bàn Văn C cho anh Đinh Xuân D2, sinh năm 2003, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 18/3/2023 đến ngày 18/4/2023 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh D2 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 82.192 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 517.808 đồng.

Ngày 24/4/2023, anh D2 tiếp tục vay của C 5.000.000 đồng, cộng với 5.000.000 đồng anh D2 vay ngày 18/3/2023 thì anh D2 nợ tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/11/2023 (210 ngày), Hoàng Anh T3 đã thu của anh D2 07 lần tiền lãi với tổng số tiền là 8.400.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 1.150.685 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 7.249.315 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh D2 chưa trả cho C.

- Lần 03: Ngày 21/3/2022 Bàn Văn C cho chị Tạ Thị T4, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 21/3/2022 đến ngày 01/5/2023 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị Thủy 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 04: Ngày 22/3/2022, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1974, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 30.000.000 đồng với mức lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 22/3/2022 đến ngày 17/4/2022 (26 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T5 34.800.000 đồng, gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 224,615%/1 năm), gấp 11,231 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 427.397 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.372.603 đồng.

Ngày 18/4/2022 Bàn Văn C tiếp tục cho anh Nguyễn Văn T5 vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 10/12/2023 (230 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T5 23 lần tiền lãi với tổng số tiền là 18.400.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu là 2.520.548 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.879.452 đồng. Sau đó anh T5 đã trả hết số tiền gốc 20.000.000 đồng cho C.

Ngày 22/4/2023 anh T5 nhờ con trai là Nguyễn Phạm Nhựt N2, sinh năm 2004, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C đến vay của Bàn Văn C 10.000.000 đồng,

lãi suất là 5000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 22/4/2023 đến ngày 02/6/2023 (40 ngày) Bàn Văn C đã thu của anh T5 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 219.178 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 05: Ngày 23/3/2022, Bàn Văn C cho anh Phạm Hồng H, sinh năm 1981, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 8.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 23/3/2022 đến ngày 23/5/2022 (60 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh H 9.440.000 đồng, gồm 8.000.000 đồng tiền gốc và 1.440.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm) gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, lãi tối đa được thu là 263.014 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.176.986 đồng.

Ngày 06/02/2023, Bàn Văn C cho anh Phạm Hồng H vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Đối với khoản vay này anh H chưa trả tiền lãi cho C lần nào, số tiền gốc 15.000.000 đồng anh H cũng chưa trả cho C. Tổng số tiền lãi anh H phải trả cho C tính từ ngày 06/02/2023 đến ngày hành vi phạm tội bị phát hiện (ngày 19/9/2023) là: 10.043.687 đồng (tương đương với mức lãi suất 109,595%/năm), gấp 5,48 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, lãi tối đa được thu là 1.832.877 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.210.810 đồng.

- Lần 06: Ngày 24/3/2022, Bàn Văn C cho anh Trần Ngọc A1, sinh năm 1980, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 22F1 – 9722 để vay 6.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 24/3/2022 đến ngày 24/6/2022 (90 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh A1 8.160.000 đồng, gồm 6.000.000 đồng tiền gốc và 2.160.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 295.890 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính 1.864.110 đồng.

Ngày 19/8/2022, Bàn Văn C tiếp tục cho anh Trần Ngọc A1 cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius nêu trên để vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 19/8/2022 đến ngày 19/10/2022 (60 ngày). Bàn Văn C thu của anh A1 6.200.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 164.384 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.035.616 đồng.

- Lần 07: Ngày 29/3/2022, Bàn Văn C cho anh Nông Văn K1, sinh năm 1993, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 29/3/2022 đến ngày 10/4/2023 (12 ngày), Bàn Văn C thu của anh K1 3.100.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 101,389%/1 năm), gấp 5,069 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 19.726 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 80.274 đồng.

Ngày 11/4/2022, Bàn Văn C cho anh Nông Văn K1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 11/4/2022 đến ngày 11/9/2023 (150 ngày), Bàn Văn C thu của anh K1 8.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.750.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 410.959 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.339.041 đồng.

Ngày 23/9/2022, Bàn Văn C cho anh Nông Văn K1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 23/9/2022 đến ngày 23/10/2023 (30 ngày), Bàn Văn C thu của anh K1 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 82.192 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 667.808 đồng.

- Lần 08: Ngày 31/3/2022, Bàn Văn C cho chị Triệu Thanh H1, sinh năm 1989, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 31/3/2022 đến ngày 09/5/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị H1 tổng số tiền là 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 219.178 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 09: Ngày 07/4/2022, Bàn Văn C cho cho anh Ngô Đình H2, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã P, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter biển số 29K1 – 292.44 để vay 3.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 07/4/2022 ngày 07/5/2023 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh H2 3.360.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 310.685 đồng.

- Lần 10: Ngày 04/4/2022, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1979, trú tại thôn H, xã H, huyện C vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 24.000.000 đồng trả trong 40 ngày. Từ ngày 04/4/2022 đến ngày 14/5/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L3 tổng số tiền là 24.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 438.356 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.561.644 đồng.

- Lần 11: Ngày 08/4/2022, Bàn Văn C cho anh Đỗ Mạnh T6, sinh năm 1983, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng. Từ ngày 08/4/2022 đến ngày 05/9/2023 (tính 500 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T6 tổng số tiền lãi là 20.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 2.739.726 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 17.260.247 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh T6 chưa trả cho C.

Ngày 15/3/2022, Bàn Văn C tiếp tục cho anh Đỗ Mạnh T6 cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, biển số 22F1-266.43 để vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày. C giữ lại đăng ký xe mô tô của anh T6, còn xe mô tô C cho anh T6 mượn lại để sử dụng. Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 08/9/2023 (tính 170 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T6 tổng số tiền lãi là 6.800.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 931.507 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.868.493 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh T6 chưa trả cho C. Đăng ký xe mô tô của anh T6 hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

- Lần 12: Từ ngày 12/5/2022 đến 07/8/2023, Bàn Văn C cho anh Hà Vĩnh T7, sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã T, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, GRAVITAR, biển số 22F1 – 044.54 để vay tiền 03 lần, với tổng số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 182,5%/1 năm, thu tổng số tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.755 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 534.245 đồng, cụ thể:

Ngày 12/5/2022, Bàn Văn C cho anh Hà Vĩnh T7 cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, GRAVITAR, biển số 22F1 - 044.54 để vay 3.000.000 đồng, lãi suất 5000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 12/5/2022 đến ngày 11/6/2022 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T7 3.450.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

Ngày 15/5/2023, Kiều Xuân T tiếp tục cho anh Hà Vĩnh T7 cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA GRAVITAR, biển số 22F1 – 044.54 để vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 25/5/2023 (10 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của anh T7 3.150.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 16.438 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 133.562 đồng.

Ngày 07/8/2023, Kiều Xuân T tiếp tục cho anh Hà Vĩnh T7 cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA GRAVITAR, biển số 22F1 - 044.54 để vay 3.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Số tiền này T chưa trả cho T và cũng chưa trả tiền lãi cho T lần nào. Tổng số tiền lãi anh T7 phải trả cho C tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày hành vi phạm tội bị phát hiện (ngày 19/9/2023) là: 660.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, lãi tối đa được thu là 72.329 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 587.671 đồng.

- Lần 13: Ngày 15/9/2022, Đỗ Việt Đ cho anh Vũ Văn T8, sinh năm 1987, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/10/2022 (30 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh T8 11.200.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền

lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.035.616 đồng.

- Lần 14: Ngày 15/6/2022, Bàn Văn C cho anh Bàn Văn K2, sinh năm 1988, trú tại thôn Y, xã P, huyện C cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 22B1-135.19 để vay 5.000.000 đồng lãi suất là 5000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 15/7/2022 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh K2 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 82.192 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 667.808 đồng.

Ngày 27/8/2023, Bàn Văn C tiếp tục cho anh Bàn Văn K2 cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 22B1-135.19 để vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 27/8/2023 đến ngày 27/9/2023 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh K2 số tiền lãi là 450.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng. Số tiền gốc K2 chưa trả cho C. Xe mô tô của anh K2 hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

- Lần 15: Ngày 16/6/2022, Bàn Văn C cho anh Lê Đức T9, trú tại thôn P, xã P, huyện L cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 22B2-739.09 của anh T9 để vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 15/12/2022 (180 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T9 17.200.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 7.200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 986.301 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng.

- Lần 16: Ngày 16/6/2022, Bàn Văn C cho chị Hoàng Thị M, sinh năm 1999, trú tại thôn Q, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 26/7/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị M tổng số tiền là 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó tiền lãi tối đa được thu là 219.178 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 17: Tháng 8/2022 (không xác định được ngày cụ thể), Bàn Văn C cho Phạm Ngọc B, sinh năm 1988, trú tại thôn V, xã Y, huyện C cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Ablade, biển số 22F1-334.09 để vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Sau đó 20 ngày, Bàn Văn C đã thu của anh B 5.400.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 54.795 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 345.205 đồng.

Tháng 9/2022 (không xác định được ngày cụ thể), Kiều Xuân T tiếp tục cho anh Phạm Ngọc B cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Ablade, biển số 22F1-334.09 của anh B để vay 5.000.000 đồng lãi suất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Sau 27 ngày, Kiều Xuân T thu của anh B 5.400.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương mức lãi suất 108,148%/ 1 năm), gấp 5,407 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 73.973 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 326.027 đồng.

- Lần 18: Ngày 30/8/2022, Bàn Văn C cho anh Trần Chung Đ1, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C vay 4.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 30/11/2023 (450 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh Đ1 15 lần tiền lãi với tổng số tiền 7.200.000 đồng, (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.213.699 đồng. Số tiền gốc 4.000.000 đồng, anh Đ1 chưa trả C.

- Lần 19: Ngày 09/11/2022, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Đức H3, sinh năm 1995, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố xe mô tô biển số 22F1-154.21 để vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/12/2022 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh H3 16.350.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5 %/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 246.575 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.103.425 đồng.

Ngày 04/9/2022, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Đức H3 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 04/9/2022 đến ngày 04/11/2022 (60 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh H3 5.900.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 164.384 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 735.616 đồng.

- Lần 20: Ngày 12/9/2022, Bàn Văn C cho anh Lèng Văn L4, sinh năm 1995, trú tại thôn N, xã T, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 12/9/2022 đến ngày 22/10/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L4 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 21: Ngày 19/9/2022, Kiều Xuân T cho chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã M, huyện L vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 29/10/2022 (40 ngày), Kiều Xuân T và Bàn Văn C đã thu của chị H4 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó tiền lãi tối đa

được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 22: Ngày 24/9/2022, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1987, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.0000 đồng, lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 24/9/2022 đến 02/10/2022 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh B1 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5 %/ 1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 890.411 đồng.

- Lần 23: Ngày 08/7/2023, Bàn Văn C cho anh Lê Văn T10, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã V, huyện C vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 6.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. Đến ngày 26/7/2023, anh T10 vay thêm 5.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 6.000.000 đồng trả trong 40 ngày. C trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 08/7/2023, số còn lại 1.700.000 đồng, C chuyển vào số tài khoản của anh T10.

Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 08/7/2023 đến ngày 26/7/2023, C thu lãi suất trong 18 ngày là 1.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 405,555%/ năm), gấp 20,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.316 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 950.684 đồng.

Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 26/7/2023 đến ngày 06/9/2023 (40 ngày). C đã thu của anh T10 6.000.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/ năm), gấp 9,13 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.590 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 890.410 đồng.

- Lần 24: Ngày 26/9/2022, Đỗ Việt Đ cho anh Đỗ Văn N, sinh năm 1971, trú tại thôn N, xã N, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 26/9/2022 đến ngày 26/6/2023 (270 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh N 18.100.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 8.100.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.479.452 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.620.548 đồng.

- Lần 25: Ngày 27/10/2022, Bàn Văn C cho chị Đoàn Thị Phương T11, sinh năm 1992, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 27/10/2022 đến ngày 27/11/2022 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị T1110.900.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 735.616 đồng.

- Lần 26: Ngày 06/11/2022, Kiều Xuân T cho chị Páo Sám M1, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã H, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, biển số 22F1-264.56 để vay 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ

ngày 06/11/2022 đến ngày 16/12/2023 (tính 400 ngày), Kiều Xuân T và Bàn Văn C đã thu của chị M1 16.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 2.191.781 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 13.808.219 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng chị M1 vẫn chưa trả cho T.

- Lần 27: Ngày 13/11/2022, Bàn Văn C cho chị Đỗ Thị H5, sinh năm 1981, trú tại tổ 3, thị trấn N, huyện N vay 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 13/11/2022 đến ngày 13/12/2023 (390 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị H5 39 lần tiền lãi với tổng số tiền là 31.200.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 4.273.973 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 26.926.027 đồng. Số tiền gốc 20.000.000 đồng chị H5 chưa trả cho C.

- Lần 28: Ngày 28/11/2022, Bàn Văn C cho anh Quan Văn T12, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 28/11/2022 ngày 28/5/2023 (180 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T12 8.600.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 493.151 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.106.849 đồng.

- Lần 29: Ngày 30/11/2022, Đỗ Việt Đ anh Hà Doãn L5, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã X, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 07/11/2023 (190 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L5 19 lần tiền lãi với tổng số tiền là 7.600.000 đồng, (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.041.096 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 6.558.904 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh L5 chưa trả cho Đ.

- Lần 30: Ngày 30/11/2022, Bàn Văn C cho anh Bùi Vĩnh T13, sinh năm 1989, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 28/01/2023 (60 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T13 6.200.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.035.616 đồng.

Ngày 20/8/2023, Kiều Xuân T tiếp tục cho anh Bùi Vĩnh T13 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 20/11/2023 (90 ngày), Kiều Xuân T đã 9 lần thu tiền lãi của anh T13 với tổng số tiền là 3.600.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 493.151 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.106.849 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh T13 chưa trả cho T.

Ngày 10/9/2023, Kiều Xuân T tiếp tục cho anh Bùi Vĩnh T13 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 10/9/2023 đến ngày 10/11/2023 (60 ngày), Kiều Xuân T đã 6 lần thu tiền lãi của T13 với tổng số tiền là 2.400.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.071.233 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh T13 chưa trả cho T.

- Lần 31: Ngày 30/11/2022 Kiều Xuân T cho chị Hà Thị Thanh H6, sinh năm 1980, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 10/01/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T đã thu của chị H6 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 32: Ngày 06/12/2022, Đỗ Việt Đ cho anh Trương Quang H7, sinh năm 1972, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 06/12/2022 đến ngày 06/02/2023 (60 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh H7 5.900.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 735.616 đồng.

- Lần 33: Ngày 13/12/2022, Bàn Văn C cho chị Ma Thị H8, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 13/12/2022 đến ngày 03/5/2023 (140 ngày) Bàn Văn C thu của chị H8 14 lần tiền lãi với tổng số tiền là 5.600.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 767.123 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.832.877 đồng.

Từ ngày 03/5/2023, C tính lãi suất với chị H8 là 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 03/5/2023 đến ngày 23/12/2023 (230 ngày), Bàn Văn C đã thu của chị Hiếu 23 lần tiền lãi với tổng số tiền là 6.900.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.260.274 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.639.726 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng chị H8 chưa trả cho C.

- Lần 34: Ngày 01/01/2023, Bàn Văn C cho anh Quan Văn T14, sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã T, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/12/2023 (330 ngày), Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã 33 lần thu tiền lãi của anh T14 với tổng số tiền là 13.200.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.808.219 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 11.391.781 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh T14 chưa trả cho C.

- Lần 35: Ngày 13/01/2023, Bàn Văn C cho anh Nông Nhật D3, sinh năm 2004, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 13/01/2023 đến ngày 13/12/2023 (D3 trả lãi trước 1 tháng nên tính thành 360 ngày), Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã thu của anh D3 12 lần tiền lãi với tổng số tiền là 5.400.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 591.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.808.219 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng, anh D3 chưa trả cho C.

- Lần 36: Ngày 16/01/2023, Bàn Văn C cho anh Phùng Thừa P1, sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã P, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 22B2-699.62 để vay 7.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/6/2023 (tính là 150 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh P1 11.300.000 đồng, gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 4.300.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 149,476%/1 năm), gấp 7,474 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 575.342 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.724.658 đồng.

- Lần 37: Ngày 20/01/2023, Bàn Văn C cho anh Lê Đức H9, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã H, huyện C vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/3/2023 (60 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh H9 24.800.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 657.534 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng.

- Lần 38: Ngày 27/02/2023, Bàn Văn C cho anh Quân Thành L6, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 22F1-322.75 để vay 4.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 27/02/2023 đến ngày 27/3/2023 (30 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh L6 số tiền lãi là 480.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 414.247 đồng.

Cũng trong ngày 27/3/2023, anh L6 vay thêm số tiền 1.000.000 đồng cộng với 4.000.000 đồng anh Long vay ngày 27/2/2023, tổng số tiền anh L6 đã vay của Bàn Văn C là 5.000.000 đồng. Từ ngày 27/3/2023 đến ngày 27/11/2023 (240 ngày) Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã thu của anh L6 tổng số tiền lãi là 4.800.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 657.534 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng. Số tiền gốc 5.000.000 đồng anh L6 chưa trả cho C.

- Lần 39: Ngày 01/3/2023, Kiều Xuân T cho Nguyễn Quang H10, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 21/3/2023 (20 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh H10 tổng số tiền là 10.600.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475

lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 490.411 đồng.

- Lần 40: Ngày 04/3/2023, Bàn Văn C cho anh Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1989, trú tại Tổ 2, phường P, thành phố T vay 10.000.000 đồng. Từ ngày 04/3/2023 đến ngày 14/3/2023 (10 ngày) Bàn Văn C đã thu của anh Đ2 tổng số tiền là 10.400.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 54.795 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 345.205 đồng.

- Lần 41: Từ ngày 09/3/2023 đến 29/8/2023, Bàn Văn C cho anh Hà Văn T15, sinh năm 2003, trú tại thôn V, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cầm cố 01 căn cước công dân số 008203001637 mang tên Hà Văn T15 để vay tiền 04 lần, cụ thể:

Ngày 09/3/2023, Bàn Văn C cho Hà Văn T15 vay 3.000.000 đồng. Từ ngày 09/3/2023 đến ngày 19/3/2023 (10 ngày), Bàn Văn C thu của Hà Văn T15 3.400.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 486,666%/1 năm), gấp 24,333 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 16.438 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 383.562 đồng.

Ngày 27/3/2023, Bàn Văn C cho Hà Văn T15 vay 3.000.000 đồng. Từ ngày 27/3/2023 đến ngày 01/5/2023 (35 ngày), Bàn Văn C đã thu của Hà Văn T15 3.650.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 650.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 225,952%/1 năm), gấp 11,298 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 57.534 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính 592.466 đồng.

Ngày 06/5/2023, Bàn Văn C cho Hà Văn T15 vay 5.000.000 đồng. Từ ngày 06/5/2023 đến ngày 26/5/2023 (20 ngày), Bàn Văn C đã thu của Hà Văn T15 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 273,75%/1 năm), gấp 13,688 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 54.795 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 695.205 đồng.

Ngày 29/8/2023 đến, Bàn Văn C cho anh Hà Văn T15 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 29/8/2023 đến ngày 28/9/2023 (30 ngày), Bàn Văn C thu của Hà Văn T15 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 243,333%/1 năm), gấp 12,167 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 82.192 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 917.808 đồng.

- Lần 42: Ngày 09/3/2023, Bàn Văn C cho anh Lý Duy M2, sinh năm 2003, trú tại thôn V, xã V, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/8/2023 (150 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh M2 5 lần tiền lãi với tổng số tiền là 2.250.000 đồng (tương đương với mức lãi

suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 246.576 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.003.425 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng anh M12 chưa trả cho C.

- Lần 43: Ngày 13/3/2023, Bàn Văn C cho anh Ma Đình T16, sinh năm 1995, trú tại thôn N, xã H, huyện L vay 7.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 13/3/2023 đến ngày 25/4/2023 (C tính 42 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh T16 8.400.000 đồng, gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 1.400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 173.81%/1 năm), gấp 8.69 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 161.096 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.238.904 đồng.

- Lần 44: Ngày 23/3/2023, Kiều Xuân T cho chị Nguyễn Thùy D4, sinh năm 1976, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vay 20.000.000 đồng. Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 03/5/2023 (40 ngày), Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã thu của chị D4 23.200.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 3.200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 438.356 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.761.644 đồng.

- Lần 45: Ngày 28/3/2023, Kiều Xuân T cho anh Ma Văn V, sinh năm 1990, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vay 24.000.000 đồng. Từ ngày 28/3/2023 đến ngày 08/4/2023 (10 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh V 25.000.000 đồng, gồm 24.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 152,083%/1 năm), gấp 7,604 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 131.507 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 868.493 đồng.

- Lần 46: Ngày 29/3/2023 Bàn Văn C cho anh Lục Văn T17, sinh năm 2006, trú tại thôn P, xã K, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 29/3/2023 đến ngày 29/4/2023 (30 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh T17 3.450.000đồng, gồm 3.000.000 tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

- Lần 47: Ngày 07/4/2023, Kiều Xuân T cho chị Đinh Thị T18 sinh năm 1997, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 07/4/2023 đến ngày 17/4/2023 (10 ngày), Kiều Xuân T thu của chị T18 3.150.000 đồng gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 16.438 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 133.562 đồng.

+ Ngày 10/9/2023, Kiều Xuân T tiếp tục cho chị Đinh Thị T18 cầm cố 01 Chứng minh thư nhân dân số 071058039 mang tên Đinh Thị T18 để vay 15.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 10/9/2023 đến ngày

12/12/2023 (tính 90 ngày), Kiều Xuân T đã thu của chị Tâm 20.400.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc, 5.400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 739.726 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.660.274 đồng.

- Lần 48: Ngày 08/4/2023, Đỗ Việt Đ cho anh Ma Văn V1, trú tại thôn B, xã H, huyện C vay 3.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 3.600.000 đồng, trả trong 40 ngày. Từ ngày 08/4/2023 đến ngày 19/4/2023, Đỗ Việt Đ đã thu của anh V1 1.200.000 đồng, còn lại 2.400.000 đồng, anh V1 nợ lại. Đối với khoản vay 3.000.000 đồng ngày 08/4/2023. Từ ngày 08/4/2023 đến ngày 19/4/2023 (10 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh V1 600.000 đồng tiền lãi, (tương đương với mức lãi suất 730%/1 năm), gấp 36,5 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 16.438 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 583.562 đồng.

Ngày 19/4/2023, Đỗ Việt Đ tiếp tục cho anh V1 vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 6.000.000 đồng trả trong 40 ngày. Đ trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 08/4/2023, số còn lại 2.600.000 đồng Đ chuyển vào số tài khoản của anh V1. Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 19/4/2023. Từ ngày 19/4/2023 đến ngày 29/5/2023 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh V1 tổng số tiền là 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 49: Ngày 13/4/2023, Bàn Văn C cho bà Trần Thị K3, sinh năm 1959, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 13/4/2022 đến ngày 13/9/2023 (tính 510 ngày), Bàn Văn C đã thu của bà K3 tổng số tiền lãi là 40.800.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 5.589.041 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 35.210.959 đồng. Sau đó bà K3 đã trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho C.

- Lần 50: Ngày 27/4/2023, Kiều Xuân T cho anh Đỗ Ngọc T19, sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã V, huyện C vay 10.000.000 đồng, tính lãi suất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 27/4/2023 đến ngày 27/9/2024 (150 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh T19 14.500.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 821.918 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng.

- Lần 51: Ngày 29/4/2023, Bàn Văn C cho anh Trịnh Hoàng H11, sinh năm 2005, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, thời hạn vay 01 tháng. Tuy nhiên ngày 30/4/2023, anh H11 đến gặp Kiều Xuân T để trả 3.000.000 đồng. Thấy vậy, Kiều Xuân T thu của anh H11 200.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền anh H11 phải trả là 3.200.000 đồng, gồm

3.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 2.433,333%/1 năm), gấp 121,667 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.644 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 198.356 đồng.

Ngày 05/5/2023, Kiều Xuân T cho anh Trịnh Hoàng H11 vay 4.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 05/5/2023 đến ngày 05/12/2023 (210 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh H11 07 lần tiền lãi với tổng số tiền là 4.200.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 460.274 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.739.726 đồng. Số tiền gốc 4.000.000 đồng anh H11 vẫn chưa trả cho T.

- Lần 52: Ngày 03/5/2023, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Mạnh T20, sinh năm 2007, trú tại thôn K, xã K, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 03/5/2023 đến ngày 02/6/2023 (30 ngày), Bàn Văn C thu của anh T20 tổng số tiền là 3.450.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

Ngày 13/6/2023, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Mạnh T20 vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 13/6/2023 ngày 17/7/2023 (C chỉ tính 30 ngày tiền lãi cho anh T20), Bàn Văn C đã thu của anh T20 tổng số tiền là 3.450.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 49.315 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

- Lần 53: Ngày 03/5/2023, Bàn Văn C cho anh Trần Ngọc T21, sinh năm 1975, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 2.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 03/5/2023 đến ngày 03/7/2023 (60 ngày), Kiều Xuân T thu của anh T21 2.600.000 đồng, gồm 2.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 534.247 đồng.

- Lần 54: Ngày 04/5/2023, Kiều Xuân T cho anh Hoàng Khắc Q, sinh năm 2006, trú tại thôn T, xã P, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 14/12/2023, Kiều Xuân T đã thu của anh Qu tổng số tiền lãi là 3.150.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 345.205 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.804.795 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng anh Q vẫn chưa trả cho T.

- Lần 55: Ngày 08/5/2023, Đỗ Việt Đ cho anh Đỗ Văn T22, trú tại thôn D, xã H, huyện C vay 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 08/7/2023 (60 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh T22

35.400.000 đồng, gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 5.400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.413.699 đồng.

- Lần 56: Ngày 11/5/2023, Bàn Văn C cho anh Phạm Vũ D5, sinh năm 2007, trú tại thôn Đ, xã K, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 11/5/2023 đến ngày 12/5/2023 (1 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh D5 3.100.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 1.216,667%/1 năm), gấp 60,833 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.644 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 98.356 đồng.

- Lần 57: Ngày 18/5/2023, Kiều Xuân T cho anh Đào Ngọc Đ3, sinh năm 2006, trú tại thôn B, xã K, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 18/5/2023 đến ngày 21/5/2023 (3 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh Đ3 3.100.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 100.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 405,556%/1 năm), gấp 20,278 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 4.932 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 95.068 đồng.

- Lần 58: Ngày 19/5/2023, Bàn Văn C cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 19/5/2023 đến ngày 29/5/2023 (40 ngày), Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã thu của bà X 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 59: Ngày 20/5/2023, Bàn Văn C cho anh Giáp Ngọc A2, sinh năm 2003, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2023, Giáp Ngọc A2 tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 5.000.000đ ngày 20/5/2023, tính đến ngày 27/8/2023 (97 ngày), Hoàng Anh T3 và Bàn Văn C đã thu của anh A2 tổng số tiền là 7.400.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 180,619%/1 năm), gấp 9,031 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 265.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.134.247 đồng.

Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 23/6/2023, đến ngày 27/8/2023 (64 ngày), Hoàng Anh T3 và Bàn Văn C đã thu của anh A2 tổng số tiền là 7.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 228,125%/1 năm), gấp 11,406 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 175.342 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.824.658 đồng.

- Lần 60: Ngày 23/5/2023, Kiều Xuân T cho anh Ngô Gia M4, sinh năm 2005, trú tại thôn Txã P, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/

1 ngày. Từ ngày 23/5/2023 đến ngày 23/9/2023 (120 ngày), Kiều Xuân T đã thu của M4 4 lần tiền lãi với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 197.260 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.602.740 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng, M4 chưa trả cho T.

- Lần 61: Ngày 24/5/2023, Kiều Xuân T cho anh Lý Kim C2 sinh năm 2003, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 24/9/2023 (120 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh C2 4.080.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 1.080.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 109,5%/1 năm), gấp 5,475 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 197.260 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 882.740 đồng.

- Lần 62: Ngày 29/5/2023, Bàn Văn C cho anh Ma Đức T23, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã B, huyện C cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha, biển số 22F1-413.30 để vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/10/2023 (150 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của anh T23 16.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 821.918 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng.

- Lần 63: Ngày 03/6/2023, Kiều Xuân T cho anh Nguyễn Quyết T24, sinh năm 2005, trú tại thôn N, xã X, huyện C vay 1.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 03/6/2023 đến ngày 03/7/2023 (30 ngày), Kiều Xuân T thu của anh T24 1.150.000 đồng, gồm 1.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 16.438 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 133.562 đồng.

- Lần 64: Ngày 02/6/2023, Kiều Xuân T cho anh Lê Anh D6, sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã P, huyện L vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 6.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. Từ ngày 02/6/2023 đến ngày 02/7/2023 (30 ngày) Kiều Xuân T đã thu của anh D6 tổng số tiền 4.500.000 đồng và còn nợ lại 1.500.000 đồng. Đến ngày 26/11/2023, anh D6 tiếp tục vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. T trừ 1.500.000 đồng vào khoản vay ngày 02/6/2023 anh D6 còn nợ lại và trừ 1.500.000 đồng tiền lãi của khoản nợ 1.500.000 đồng tính từ ngày 02/7/2023 đến ngày 26/11/2023 nên T chỉ chuyển cho anh D6 7.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 02/6/2023, từ ngày 02/6/2023 đến ngày ngày 02/7/2023 (30 ngày) Kiều Xuân T đã thu của anh D6 số tiền lãi là 1.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 243,333%/1 năm), gấp 12,167 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu là 82.192 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 917.808 đồng.

Đối với khoản tiền 1.500.000 đồng anh D6 còn nợ của khoản vay ngày 02/6/2023, tính từ ngày 02/7/2023 đến ngày 26/11/2023 (144 ngày), Kiều Xuân T thu của anh D6 1.500.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 253,472%/1 năm), gấp 12,674 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu là 118.356 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.381.644 đồng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 26/11/2023, đến ngày 26/12/2023, Kiều Xuân T đã thu của anh D6 9.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn lại và tiền lãi anh D6 chưa trả cho T.

Ngoài ra ngày 10/12/2023, Kiều Xuân T đã cho Lê Anh D6 vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Tính từ ngày 10/12/2023 đến ngày 29/12/2023, Kiều Xuân T đã thu của D6 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền gốc, số tiền gốc còn lại và tiền lãi anh D6 chưa trả cho T.

- Lần 65: Ngày 03/6/2023, Đỗ Việt Đ cho anh Lê A3, sinh năm 1981, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng. Từ ngày 03/6/2023 đến ngày 23/6/2023 (20 ngày), Đỗ Việt Đ đã thu của anh A3 5.400.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu là 54.795 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính 345.205 đồng.

- Lần 66: Ngày 03/6/2023, Bàn Văn C cho anh Hoàng Văn H12, sinh năm 1992, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 03/6/2023 đến ngày 13/7/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh H12 tổng số tiền là 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 67: Ngày 05/6/2023, Kiều Xuân T cho anh Ma Văn T25, sinh năm 2004, trú tại thôn B, xã N, huyện C vay 10.000.000 đồng lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 25/10/2023 (130 ngày), Kiều Xuân T đã 13 lần thu tiền lãi của T25 với tổng số tiền là 5.200.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 712.329 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.487.671 đồng.

Ngày 25/10/2023, anh T25 đã trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc nên T25 còn nợ 8.000.000 đồng. Từ ngày 25/10/2023 đến ngày 25/12/2023 (60 ngày), Kiều Xuân T đã 6 lần thu tiền lãi của T25 với tổng số tiền là 1.920.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 263.014 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.656.986 đồng. Số tiền gốc 8.000.000 đồng, T25 vẫn chưa trả cho T.

- Lần 68: Ngày 10/6/2023, Kiều Xuân T cho anh Hoàng Thanh T26, sinh năm 2007, trú tại thôn N, xã B, huyện C vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 100.000đ/ 1 triệu/ 1 tháng. Từ ngày 10/6/2023 đến ngày 10/8/2023 (60 ngày), Kiều Xuân T thu của T26 tổng số tiền là 3.600.000 đồng, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 121.667%/1 năm), gấp 6,083 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 98.630 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 501.370 đồng.

- Lần 69: Ngày 25/6/2023, Kiều Xuân T cho chị Phùng Thị L7, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã X, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 25/6/2023 đến ngày 05/8/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T đã thu của chị L7 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 70: Ngày 27/6/2023, Bàn Văn C cho anh Nông Văn C3, sinh năm 2002, trú tại thôn N, xã X, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA Lead, biển số 22F1 – 368.97 để vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 3000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 27/6/2023 đến ngày 02/7/2023 (5 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh C3 5.200.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 292%/1 năm), gấp 14,6 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 13.699 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 186.301 đồng.

- Lần 71: Ngày 28/6/2023, Bàn Văn C cho anh Ma Ngọc T28, sinh năm 1995, trú tại thôn N, xã N, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 18/6/2023 đến ngày 08/8/2023, Kiều Xuân T đã Thu của anh T28 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 72: Ngày 29/6/2023, Hoàng Anh T3 cho anh Lâm Đức T29, sinh năm 2004, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố 01 căn cước công dân số 008204001204 mang tên Lâm Đức T29 vay 3.000.000 đồng. Từ ngày 29/6/2023 đến ngày 10/9/2023 (73 ngày), Bàn Văn C đã thu của Lâm Đức T29 800.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 133,333%/1 năm), gấp 6,667 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 120.000 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 680.000 đồng. Số tiền gốc 3.000.000 đồng T29 chưa trả cho T3.

- Lần 73: Ngày 04/7/2023, Bàn Văn C cho anh Tô Tiến Đ4, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 04/7/2023 đến ngày 14/8/2023 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh Đ4 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125

lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 74: Ngày 11/7/2023, Kiều Xuân T cho anh Lương Ngọc H13, sinh năm 1999, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 11/7/2023 đến ngày 21/7/2023 (10 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh H13 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 730%/1 năm), gấp 36,5 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 27.397 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 972.603 đồng.

- Lần 75: Ngày 14/7/2023, Kiều Xuân T cho anh Lèng Văn D7, sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã T, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 14/7/2023 đến ngày 23/8/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T thu của anh D7 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 76: Ngày 16/7/2023, Hoàng Anh T3 cho anh Bàn Văn H14, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã K, huyện C vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày, cứ 02 ngày một lần anh H14 phải trả cả tiền lãi và một phần tiền gốc cho T3 số tiền là 600.000 đồng. Đến ngày 29/7/2023, anh H14 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng trả trong 40 ngày. T trừ số tiền anh H14 mới vay vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 16/7/2023, số còn lại 1.300.000 đồng T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 16/7/2023 đến ngày 29/7/2023, T3 thu lãi suất trong 13 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 561,538%/1 năm), gấp 28,077 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền là tối đa được thu là 71.233 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.928.767 đồng.

Đến ngày 12/8/2023, anh H14 tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 29/7/2023, số còn lại T3 chuyển vào tài khoản ngân hàng của anh H14 là 1.900.000 đồng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/7/2023 đến ngày 12/8/2023, T3 thu lãi suất trong 14 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 521,429%/1 năm), gấp 26,071 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu là 76.712 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.923.288 đồng.

Đối với khoản vay ngày 12/8/2023, anh H14 đã trả hết cho T3 12.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

Ngày 29/9/2023, Hoàng Anh T3 cho anh Bàn Văn H14 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng trả trong 40 ngày. Đến ngày 11/10/2023, anh H14 vay thêm 10.000.000 đồng thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 29/9/2023, số còn lại 1.000.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/9/2023 đến ngày 11/10/2023, T3 thu lãi suất trong 12 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 608,333%/1 năm), gấp 30,417 lân so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.934.247 đồng.

Đến ngày 25/10/2023, anh H14 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 11/10/2023, số còn lại 1.600.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 11/10/2023 đến ngày 25/10/2023, T3 thu lãi suất trong 14 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 521,429%/1 năm), gấp 26,071 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 76.712 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.923.288 đồng.

Đến ngày 06/11/2023, anh H14 vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền nợ gốc của lần vay 25/10/2023, số còn lại 1.600.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 25/10/2023 đến ngày 06/11/2023 T3 thu lãi suất trong 12 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 608,333%/1 năm), gấp 30,417 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.934.247 đồng.

Đến ngày 16/11/2023, anh H14 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay 06/11/2023, số còn lại 300.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 06/11/2023 đến ngày 16/11/2023, T3 thu lãi suất trong 10 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 730%/1 năm), gấp 36,5 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 54.795 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.945.205 đồng.

Đến ngày 28/11/2023, anh H14 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 16/11/2023, số còn lại 1.000.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh H14.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, ngày 16/11/2023 đến ngày 28/11/2023, T3 thu lãi suất trong 12 ngày là 2.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 608,333%/1 năm), gấp 30,417 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 65.753 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.934.247 đồng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 28/11/2023, anh H14 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T3 lần nào.

- Lần 77: Từ ngày 18/7/2023 đến 29/11/2023, Bàn Văn C cho anh Ma Văn T44, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã P, huyện L cầm cố 01 căn cước công dân số 008099004431 mang tên Ma Văn T44 vay tiền 03 lần, với tổng số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất từ 182,5%/ 1 năm đến 760,416%/năm, thu tổng số tiền lãi là 2.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 158.248 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.041.752 đồng, cụ thể:

Ngày 18/7/2023, Bàn Văn C cho anh Ma Văn T44, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã P, huyện L vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 18/7/2023 đến ngày 28/8/2023 (40 ngày), Bàn Văn C đã thu của Ma Văn T44 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

Ngày 15/10/2023, Bàn Văn C cho Ma Văn T44 vay 3.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 3.600.000 đồng, anh T44 phải trả trong 30 ngày. Từ ngày 15/10/2023 đến ngày 05/11/2023 (20 ngày) Bàn Văn C đã thu của T44 2.400.000 đồng.

Ngày 29/11/2023, anh T44 tiếp tục vay thêm 3.000.000 đồng, C trừ 1.200.000 đồng vào khoản vay ngày 15/10/2023 anh T44 còn nợ lại và trừ 600.000 đồng tiền lãi của khoản nợ 1.200.000 đồng tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày 29/11/2023 (24 ngày) nên C chỉ chuyển cho T44 số tiền 1.200.000 đồng.

Đối với khoản vay 3.000.000 đồng anh T44 vay ngày 15/10/2023 đến ngày 05/11/2023 (20 ngày) C đã thu của T44 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm), gấp 18,25 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 32.877 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 567.123 đồng.

Đối với khoản tiền 1.200.000 đồng anh T44 còn nợ của khoản vay ngày 15/10/2023, tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày 29/11/2023 (24 ngày) Bàn Văn C thu của T44 600.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 760,416%/năm), gấp 38,021 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 15.781 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 584.219 đồng.

Đối với khoản vay 3.000.000 đồng ngày 29/11/2023, T44 chưa trả tiền gốc và tiền lãi lần nào.

- Lần 78: Ngày 19/7/2023, Bàn Văn C cho anh Quân Đức A4, sinh năm 1982, trú tại thôn B, xã T, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future màu sơn đỏ biển số 22F1-373.21 để vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 20/7/2023 (1 ngày), Bàn Văn C đã thu của anh A4 12.400.000 đồng, gồm 12.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 1.216,667%/1 năm), gấp 60,833 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 6.576 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 393.425 đồng.

- Lần 79: Ngày 20/7/2023, Bàn Văn C cho anh Đặng Ngọc S, sinh năm 1986, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 30/8/2023 (40 ngày), Bàn Văn C và Kiều Xuân T đã thu của anh S 18.000.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

- Lần 80: Ngày 20/7/2023, Kiều Xuân T cho chị Phạm Thị Mai H15, sinh năm 1977, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 4000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/12/2023 (150 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của chị H15 15 lần tiền lãi với tổng số tiền là 9.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 1.232.877 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.767.123 đồng. Số tiền gốc 15.000.000 đồng chị H15 chưa trả cho T.

- Lần 81: Ngày 26/7/2023, Bàn Văn C cho anh Bàn Hồng S1, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ, xã H, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 26/7/2023 đến ngày 06/9/2023 (40 ngày), Bàn Văn C và Hoàng Anh T3 đã thu của anh S1 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 82: Ngày 30/7/2023, Hoàng Anh T3 cho chị Hoàng Thị X1, sinh năm 1971, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển số 22FA-001.59 để vay 2.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 30/7/2023 đến ngày 30/11/2023, Hoàng Anh T3 đã thu của chị X1 4 lần tiền lãi với tổng số tiền là 1.100.000 đồng (lần thứ 4, T3 chỉ thu của chị X1 200.000 đồng tiền lãi) (tương đương với mức lãi suất 167,292%/1 năm), gấp 8,365 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 131.507 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 968.493 đồng. Số tiền gốc 2.000.000 đồng chị X1 chưa trả cho T3.

- Lần 83: Ngày 31/7/2023, Kiều Xuân T cho anh Ma Văn H16, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã K, huyện C vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 31/7/2023 đến ngày 11/9/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của anh H16 6.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và

1.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 109.589 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

- Lần 84: Ngày 04/8/2023, Kiều Xuân T cho anh Vũ Hải D8, sinh năm 2000, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, tuy nhiên cũng trong ngày 04/8/2023 anh D8 đã trả lại cho Kiều Xuân T 5.000.000 đồng nên T không tính lãi số tiền này, D8 còn nợ 5.000.000 đồng. Từ ngày 04/8/2023 đến ngày 27/12/2023 (143 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh D8 7.900.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 2.900.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 148,042%/1 năm), gấp 7,402 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 391.781 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.508.219 đồng.

- Lần 85: Ngày 07/8/2023, Kiều Xuân T cho anh Nguyễn Mạnh H17, sinh năm 1993, trú tại Tổ X, phường Đ, thành phố T vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 12.000.000 đồng, trả trong 40 ngày. Từ ngày 07/8/2023 đến ngày 17/9/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của anh H17 tổng số tiền 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 86: Ngày 24/8/2023, Hoàng Anh T3 cho anh Vương Quốc V4, sinh năm 1992, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố 01 căn cước công dân số 008092000481 mang tên Vương Quốc V4 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 24/8/2023 đến ngày 04/10/2023 (40 ngày), Hoàng Anh T3 đã thu của Vương Quốc V4 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 87: Ngày 26/8/2023, Kiều Xuân T cho bà Hà Thị Đ5, sinh năm 1964, trú tại thôn N, xã X, huyện C vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 26/8/2023 đến ngày 06/10/2023 (40 ngày), Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu của bà Hà Thị Đ5 12.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm), gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 219.178 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Lần 88: Ngày 26/8/2023, Bàn Văn C cho anh Nguyễn Đăng K4, sinh năm 1995, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 021933, biển số đăng ký 22F1-314.39 mang tên Nguyễn Đăng K4 để vay 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/ 1 ngày. Từ ngày 26/8/2023 đến ngày 17/12/2023 (110 ngày), Kiều Xuân T đã thu của anh K4 tổng số tiền lãi là 4.400.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 146%/1 năm), gấp 7,3 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được

thu theo quy định là 602.740 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.797.260 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh K4 chưa trả cho C.

- Lần 89: Ngày 29/8/2023, Bàn Văn C cho anh Hoàng Đức Đ6, sinh năm 1992, trú tại N, xã N, huyện C cầm cố 01 căn cước công dân số 008092008667 mang tên Hoàng Đức Đ6 để vay 5.000.000 đồng. Từ ngày 29/8/2023 đến ngày 29/9/2023 (30 ngày), Hoàng Anh T3 đã thu của Hoàng Đức Đ6 5.550.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 550.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 133,833%/1 năm), gấp 6,692 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 82.192 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 467.808 đồng.

- Lần 90: Từ ngày 07/9/2023 đến 30/10/2023, Bàn Văn C cho Lê Tuấn N1, sinh năm 1978, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C cầm cố 01 Chứng minh thư nhân dân số 070512051 mang tên Lê Tuấn N1 vay tiền 02 lần, với tổng số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất từ 137,736%/1 năm đến 304,167%/1 năm, cụ thể:

Ngày 07/9/2023, Hoàng Anh T3 cho anh Lê Tuấn N1 vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 18.000.000 đồng, anh N1 phải trả trong 40 ngày, cứ 02 ngày một lần anh N1 phải trả cho T3 900.000 đồng. Tính đến ngày 30/10/2023, anh N1 đã trả cho T3 số tiền là 9.000.000 đồng. Đối với khoản vay 15.000.000 đồng ngày 07/9/2023, T3 tính lãi suất đến ngày 30/10/2023 (53 ngày) là 3.000.000 đồng (tương đương với mức lãi suất 137,736%/1 năm), gấp 6,887 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 435.616 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.564.384 đồng.

Ngày 30/10/2023, anh N1 tiếp tục vay thêm 15.000.000 đồng, thỏa thuận tính thành 18.000.000 đồng, anh N1 phải trả trong 40 ngày. T3 trừ một phần vào số tiền còn nợ của lần vay ngày 07/9/2023, số còn lại 6.000.000 đồng, T3 chuyển vào số tài khoản của anh N1. Đối với khoản vay 15.000.000 đồng ngày 30/10/2023 đến ngày 23/11/2023 (24 ngày) anh N1 đã trả đủ cả gốc và lãi cho T3 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, gồm 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (tương đương với mức lãi suất 304,167%/1 năm), gấp 15,208 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định là 197.260 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.802.740 đồng.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSCH, ngày 21 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố:

Bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Anh T3 về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3, phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Việt Đ từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Phạt tiền Bàn Văn C từ 230.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Phạt tiền bị cáo Kiều Xuân T từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt: Hoàng Anh T3 từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền lãi thu lợi bất chính 106.642.195 đồng *(Một trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng)* cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phùng Văn L2, Ma Đình T16, Páo Sám M1, Đinh Xuân D2, Giáp Ngọc A2, Tô Tiến Đ4, Tạ Thị T4, Nguyễn Đăng K4, Nguyễn Đức H3, Hà Vĩnh T7, Vũ Văn T8, Nông Nhật D3, Ma Thị H8, Phạm Hữu Đ2, Lèng Văn L4, Nguyễn Thị H4, Lèng Văn D7, Quan Văn T14, Quân Thành L6, Quân Đức A4, Quan Văn T12, Ma Văn H16, Nguyễn Mạnh T20, Đỗ Văn N, Nguyễn Thanh B1, Lục Văn T17, Bàn Văn H14, Ngô Gia M4, Ngô Đình H2 do những người này có yêu cầu được trả lại tiền thu lợi bất chính đã bị các bị cáo chiếm đoạt.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phạm Hồng H, Triệu Thanh H1, Trần Thị K3, Đặng Ngọc S, Đoàn Thị Phương T11, Đỗ Thị H5, Hà Thị Thanh H6, Trương Quang H7, Lê Đức H9, Trần Ngọc T21, Đào Ngọc Đ3, Nguyễn Thị X, Nông Văn C3, Lê Anh, Hoàng Văn H12, Lương Ngọc H13, Phạm Thị Mai H15, Vương Quốc V4, Hoàng Đức Đ6, Lê Tuấn N1, Lê Đức T9, Hoàng Thị X1, Nguyễn Văn T5, Trần Ngọc A1, Đinh Thị T18, Nguyễn Văn L3, Trần Chung Đ1, Nguyễn Quyết T24, Phùng Thị L7, Phạm Vũ D5, Phùng Thừa P1, Đỗ Văn T22, Ma Văn T25 không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị M, Phạm Ngọc B, Lê Văn T10, Hà Doãn L5, Lý Duy M2, Ma Văn V, Đỗ Ngọc T19, Trịnh Hoàng H11, Lý Kim C2, Ma Đức T23, Hoàng Thanh T26, Lâm Đức T29, Ma Văn T44 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc có yêu cầu các bị cáo trả lại tiền lãi thu lợi bất chính hay không nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu về trả lại tiền lãi đã thu lợi bất chính để giải quyết sau khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả 01 sổ hộ khẩu số 610238338, chủ hộ Đỗ Việt D; nơi thường trú: Tổ V, thị trấn V, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang cho ông Đỗ Việt D.

- Trả 01 sổ hộ khẩu số 610110351, chủ hộ Bùi Thị D10, nơi thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cho bà Bùi Thị D10.

- Trả 01 sổ tạm trú số 610039970, chủ hộ Bế Ngọc H23 cho ông Bế Ngọc H23.

- Trả 01 sổ hộ chiếu số C6166711, mang tên Đoàn Quốc T43; sinh ngày 05/11/1992; số CMND: 070957217 cho ông Đoàn Quốc T43.

- Trả 01 xe mô tô biển số 22F1-098.89, nhãn hiệu: HONDA, số loại: SH 125, số máy: JF42E0031974, số khung: RLHJF4215DY031963, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng cho Tàng Thị P.

- Trả 01 xe mô tô biển số 22B2-721.77, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E5272232, số khung: RLHJK0313MZ065980, màu sơn đen, đã qua sử dụng cho Nguyễn Thị H18.

- Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen; số IMEI: 356565085874271; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000324631415; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước cho Đinh Quang D9.

- Trả bị cáo Đỗ Việt Đ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, vỏ màu trắng, điện thoại không lên nguồn; 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung, vỏ màu đen, điện thoại không lên nguồn; 01 điện thoại di động kiểu dáng Oppo A16K, vỏ màu xanh; điện thoại không lên nguồn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả bị cáo Bàn Văn C 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, vỏ màu bạc; điện thoại không lên nguồn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Kiều Xuân T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 007328, biển số xe 22F1-415.90; 01 xe mô tô biển số 22F1-415.90, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0707679, số khung RLHJK0342NY007649, màu sơn xanh, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho Hoàng Anh T3 01 xe mô tô biển số 22F1-426.61, nhãn hiệu: HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0209939, số khung RLHJK0331PY003683, màu sơn đen, đã qua sử dụng;

- Trả lại các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C các tài sản, giấy tờ đã thu giữ quá trình điều tra là các giao dịch dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hoặc không chứng minh được tội phạm gồm:

+ 01 giấy phép lái xe số: 080028002565, hạng C của Phạm Văn H19;

+ 01 kệ gỗ dài 2,4m; cao 0,82m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 kệ gỗ dài 2,21m; cao 0,82m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 kệ gỗ dài 2,21m; cao 0,76m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 thẻ sinh viên của Chẩu Thị Thu P1, sinh ngày 10/10/2003 do Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội cấp;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 95 trang có chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 95; ký hiệu 01;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong không có chữ, số; ký hiệu 02;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 62 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 62; ký hiệu 03;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 120 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 120; ký hiệu 04;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 86 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 86; ký hiệu 05;

+ 01 sổ ghi chép, bên ngoài sổ có ghi chữ "sổ ghi thù vặt", bên trong có 02 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02; ký hiệu 06;

+ 01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên ngoài sổ có ghi "tháng 7/2023", bên trong có 11 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 11; ký hiệu 07;

+ 01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong không có nội dung gì; ký hiệu 08;

+ 01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong không có nội dung gì; ký hiệu 09;

+ 01 (một) sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong có 04 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 04; ký hiệu 10;

+ 01 sổ bìa màu đen, bên trong có 16 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 16; ký hiệu 11;

+ 01 sổ bìa màu vàng, bên trong có 08 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08; ký hiệu 12;

+ 01 xe mô tô biển số 22B1-620.66, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE, số máy: JF46E-2017115, số khung: RLHJF RLHJF4618EY011685, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 066477 mang tên Ma Thị N11, sinh năm 1967, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22B1-620.66 của Bùi Duy P.

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-112.99, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy: 55P1299086, số khung: 55P10DY299061, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Phạm Tùng T29;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-384.61, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: JUPITER, số máy: E3S1E149621, số khung: RLCUE1370MY001805, màu sơn đen, đã qua sử dụng của Bàn Tài T30;

+ 01 xe mô tô biển số 22B1-822.13, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy: G3D4E117627, số khung: RLCUG0610FY105520, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Triệu Văn S2.

+ 01 xe mô tô biển số 29E1-024.76, nhãn hiệu: HONDA, số loại: HC120 WAVE ALPHA, số máy: HC12E2845672, số khung: RLHHC120XBY045593, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 052429 mang tên Cao Xuân N4, sinh năm 1982, trú tại X, G, C, Đ, Hà Nội, biển số xe 29E-024.76 của Phạm Hữu Đ2.

+ 01 xe mô tô biển số 20F1-021.04, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: VZS152FMH443718, số khung: RLPDCHCHY9B003718, màu sơn cam, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 010469 mang tên Hoàng Thị T45, sinh năm 1966, trú tại Xóm 2, xã V, huyện Đ, Thái Nguyên, biển số xe 20F1-021.04 của Ma Ngọc Q3.

+ 01 xe mô tô biển số 22H7-4151, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: JUPITER, số máy: 5VT134213, số khung: VYAJ5VT14YA034213, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0047963 mang tên Nguyễn Thị Thu H24, sinh năm 1983, trú tại TDP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22H7-4151 của Lưu Trọng N3;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-356.95, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: JA39E2212180, số khung: RLHJA3929MY094877, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Nguyễn Phạm Nhựt N2.

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-386.47, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE S, số máy: JC43E0603495, số khung: RLHJC43139Y070548, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22005491 mang tên Trần Quốc T40, sinh năm 1982, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-386.47 của Nguyễn Mạnh H17, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-335.21, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: JA39E2016216, số khung: RLHJA3926LY015471, màu sơn đen, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 025233 mang tên Lê Văn T42, biển số xe 22F1-335.21 của Lê Văn T10;

+ 01 giấy phép lái xe số: 200219002369, hạng A1 của Nông Văn L9.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22007729 biển số xe 22F1-418.93, mang tên Đinh Xuân H22;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 025772 mang tên Hà Đình Đ6, biển số xe 22F1-342.36;

+ 01 căn cước công dân số 008095004214 mang tên Tô Văn T33.

+ 01 căn cước công dân số 008182011340 mang tên Vũ Thị T34.

+ 01 căn cước công dân số 008207003555 mang tên Vũ Xuân T32.

+ 01 căn cước công dân số 008098008121 mang tên Tô Văn T39.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 070652593 của Lâm Thị T31.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 151832759 của Nguyễn Hữu C4.

+ 01 căn cước công dân số 008096009494 mang tên Phạm Văn H21.

+ 01 căn cước công dân số 008096000367 mang tên Trần Văn H20.

+ 01 căn cước công dân số 008097001484 mang tên Đàm Văn T36.

+ 01 căn cước công dân số 008301003353 mang tên Phùng Thị T35.

+ 01 căn cước công dân số 008203000496 mang tên Nông Tiến N4.

+ 01 căn cước công dân số 008201003261 mang tên Nguyễn Đình T38.

+ 01 căn cước công dân số 008203006101 mang tên Lý Văn L10.

+ 01 căn cước công dân số 008073008082 mang tên Nông Kim Q2.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002690 mang tên Ma Văn T41, biển số xe 22B1-759.95;

- Trả Hoàng Thị X1 01 xe mô tô biển số 22FA-001.59, nhãn hiệu: DETECH, số loại: SUPERCUB 50V, số máy: 139FMB013126, số khung: 1PEBA013126, màu sơn xanh, đã qua sử dụng.

- Trả Nguyễn Đăng K4 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 021933 mang tên Nguyễn Đăng K4, biển số xe 22F1-314.39;

- Trả Hà Vĩnh T7 01 xe mô tô biển số 22F1-044.54, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: GRAVITA, số máy: 31CA007863, số khung: RLCG31C40CY003011, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 004869, biển số xe 22F1-044.54.

- Trả Bàn Văn K2 01 xe mô tô biển số 22B1-135.19, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: 5C61023400, số khung: RLCS5C6106Y023400, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 011354 mang tên Nguyễn Thị Thương H25, sinh năm 1987, trú tại tổ T, phường H, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22B1-135.19;

- Trả Lê Tuấn N1 01 giấy chứng minh nhân dân số 070512051.

- Trả Đinh Thị T18 01 giấy chứng minh nhân dân số 071058039.

- Trả Lâm Đức T29 01 căn cước công dân số 008204001204

- Trả Ma Văn T44 01 căn cước công dân số 008099004431

- Trả Hoàng Đức Đ6 01 căn cước công dân số 008092008667.

- Trả 01 căn cước công dân số 008092000481.

- Trả 01 căn cước công dân số 008203001637.

- Trả Đỗ Mạnh T6 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 015833, biển số xe 22F1-266.43;

*** Truy thu sung ngân sách nhà nước:**

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) chưa trả số tiền gốc đã vay của các bị cáo Đ, C với tổng số tiền là 210.000.000 đồng, cụ thể:

+ Truy thu đối đối với Lâm Đức T29 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Ma Văn T44 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Nguyễn Đăng K4 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Hà Vĩnh T7 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Bàn Văn K2 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Quân Thành L6 số tiền 5.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Páo Sám M1 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Ma Văn T25 số tiền 8.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Phạm Hồng H số tiền 15.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Lê Anh D6 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Đinh Xuân D2 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Bàn Văn H14 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Hà Doãn L5 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Ma Thị H8 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Bùi Vĩnh T13 số tiền 20.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Đỗ Thị H5 số tiền 20.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Lý Duy M2 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Nông Nhật D3 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Quan Văn T14 số tiền 10.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Trần Chung Đ1 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Trịnh Hoàng H11 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Phạm Thị Mai H15 số tiền 15.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Hoàng Khắc Q số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Ngô Gia M4 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Hoàng Thị X1 số tiền 2.000.000 đồng.

+ Truy thu đối với Đỗ Mạnh T6 số tiền 20.000.000 đồng.

- Truy thu đối với số tiền góp vốn ban đầu để sử dụng cho vay của các bị cáo: Truy thu của bị cáo Đỗ Việt Đ số tiền 195.000.000 đồng, bị cáo Bàn Văn C số tiền 65.000.000 đồng.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo Đ, C đã sử dụng để cho vay (sau khi đã đối trừ với số tiền các bị cáo Đ, C đã cho vay nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo nêu trên; số tiền vốn góp

ban đầu để sử dụng cho vay) là 542.000.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bị truy thu 1/2 của số tiền 542.000.000 đồng = 271.000.000 đồng.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C tổng số tiền 53.423.455 đồng (đây là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C đã thu của những người vay tiền). Bị cáo Đ, C mỗi người phải bị truy thu 1/2 của số tiền 53.423.455 đồng, bị cáo Đ, C mỗi người phải nộp 26.711.727 đồng.

***Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu xanh, số IMEI: 353970106439315; số IMEI 2: 353970106380246; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000025309620; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước của Đỗ Việt Đ do sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, vỏ màu vàng, số IMEI: 355696077082820; số MEID: 35569607708282; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000930416393; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước của Bàn Văn C do sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại Iphone XS Max; số máy: MT5M2LL/A; số sêri: G6TXMCDVKPHF; số IMEI: 357274097176077; số IMEI 2: 357274097202915; bên trong lắp 01 sim có số sêri: 8984048000023035611; điện thoại cũ đã qua sử dụng của Kiều Xuân T do sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại Iphone 7 Plus; số máy: NNQR2LL/A; số sêri: FYQYF43QHG04; số IMEI: 355354089497442; bên trong lắp 01 sim có số sêri: 8984048000052259322; điện thoại cũ đã qua sử dụng của Hoàng Anh T3 do sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền 7.200.000 đồng thu giữ của Đỗ Việt Đ do phạm tội mà có. Bị cáo Đ được đối trừ số tiền 7.200.000 đồng đã bị thu giữ trong quá trình điều tra nên bị cáo bị còn phải nộp tiền truy thu số tiền sử dụng để cho vay là: 271.000.000 đồng – 7.200.000 đồng = 263.800.000 đồng.

- Đối với hành vi cho vay và thu tiền lãi dưới 100%/năm (dưới 05 lần so với quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự) của các bị cáo Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đối với: Bùi Việt H26 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Hà Văn T46 sinh năm 1973, trú tại tổ V; Phạm Ngọc T47 sinh năm 1971, trú tại tổ V; Nguyễn Thế B2, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Ma Thị T48 sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã P, huyện C; Phùng Văn L2, sinh năm năm 1979, trú tại tổ 9, phường Hưng Thành, thành phố T do không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi cho vay và không thu tiền lãi của các bị cáo Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đối với: Trần Văn H20 sinh năm 1996, Nguyễn Quang V5 sinh năm 1996, trú tại tổ V; Đinh Xuân H22 sinh năm 1991, Nguyễn Xuân H27 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Mai Công T49 sinh năm 1978, Nguyễn Trung T50, sinh năm 1980, Bùi Quốc H28, sinh năm 2004, trú tại tổ V; Bùi Đức H29 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Đinh Đức C5 sinh năm 1979, trú tại tổ V; Nguyễn Duy T51 sinh năm 1980, trú tại tổ V; Lương Quỳnh A5 sinh năm 2005

trú tại tổ V; Nguyễn Mạnh Q4 sinh năm 1991, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Nguyễn Đức T52, sinh năm 1986, trú tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Thành H30, sinh năm 1977, trú tại Xóm T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Ma Văn T53, sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã T, huyện L; Lê Văn T53, sinh năm 1987 trú tại thôn C, xã Y, huyện C; Lê Đức G, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã H, huyện C; Phạm Văn H19, sinh năm 1981, trú tại thôn P, Triệu Văn T54, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã P, huyện C; Vũ Thị T55 sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C; Đinh Ngọc Q5, sinh năm 1988, trú tại tổ 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quan Thị Q6 sinh năm 1989, trú tại thôn L, xã X, huyện C; Hoàng Văn T56 sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã H, huyện C; Trương Đức N5 sinh năm 1988, trú tại thôn S, xã T, huyện C; Đỗ Ngọc T19 sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã V, huyện Chiêm; Hứa Đức T57 sinh năm 2007, trú tại thôn N, xã B, huyện C; Hà Thị C6, sinh năm 1999, trú tại X, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Vũ Văn P2, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã T, huyện L; Bùi Duy P, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; khoản vay 7.000.000 đồng vào tháng 9/2023 của Nguyễn Văn T5; khoản vay 10.000.000 đồng ngày 05/11/2023 của Bùi Vĩnh T13 do hành vi không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

- Trong vụ án này, ngoài những người đã vay tiền của các bị cáo nêu trên, các bị cáo còn cho một số người khác vay tiền và cầm cố tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:

+ Lê Đức Đ7, sinh năm 2001, Lý Quốc K4 sinh năm 1994, đều trú tại thôn C, xã H, huyện C;

+ Tô Văn T39 sinh năm 1998, trú tại thôn A, Nông Tiến Q7 sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, Lang Văn H31 sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, Nguyễn Văn C7 sinh năm 1990, trú tại thôn T, Ma Thị Phương D12 sinh năm 2004, trú tại thôn A, Vũ Chí Đ8 sinh năm 1988, trú tại thôn P, Nguyễn Mạnh C8 sinh năm 1990, trú tại thôn A, Trần Đình K5 sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã P, huyện C;

+ Lê Văn T10, sinh năm 1996, trú tại thôn T; Phùng Thị T35, Trương Ngọc T37 đều trú tại thôn T, Lê Thế T58 sinh năm 2000, Chẩu Thị Thu P1, sinh năm 2003 (cầm cố 01 thẻ sinh viên mang tên Chẩu Thị Thu P1) đều trú tại thôn P, Tô Duy T59 sinh năm 1991, Hoàng Văn D13 sinh năm 2005, đều trú tại thôn V, Lê Đại T60 sinh năm 2007, Đoàn Minh Q8, sinh năm 2005, đều trú tại thôn Q, Trần Đức H32 sinh năm 2005, trú tại thôn S, Lê Duy Đ9 sinh năm 2004, trú tại thôn L, Ma Văn T61 sinh năm 2003, trú tại thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

+ Nguyễn Đình T38 sinh năm 2001, Hà Doãn C9 sinh năm 1991, Hà Thị H33 sinh năm 1992, Hà Thị Đ10 sinh năm 1962, Trường Văn S3 sinh năm 19991 đều trú tại thôn L, Hà Đình C10 sinh năm 1994, Bùi Quang B3 sinh năm 1997, Tô Văn T33 sinh năm 1995 đều trú tại thôn N, Phạm Quang H34 sinh năm 2001, trú tại thôn N, xã X, huyện C;

+ Vũ Thị T34 sinh năm 1982, trú tại thôn N, Nguyễn Văn M5 sinh năm 2004, trú tại thôn N, Nguyễn Phương H35 sinh năm 2005, trú tại thôn Đ, Bàn

Công T62 sinh năm 1994, trú tại thôn B, Phan Chí T63 sinh năm 1986, trú tại thôn B, Vũ Sơn T64 sinh năm 2000, trú tại thôn Đ, Nguyễn Quốc T65 sinh năm 2006, trú tại thôn N, Đoàn Thị H36 sinh năm 1981, trú tại thôn N, Trần Đức V6 sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã N, huyện C;

+ Lý Văn L10 sinh năm 2003, trú tại thôn B; Trần Văn T66 sinh năm 1997, trú tại thôn K, xã N, huyện C;

+ Nông Tiến N4 sinh năm 2005, trú tại thôn N, Ngô Hương T67 sinh năm 2005, trú tại thôn B, Nguyễn Thị Kim A6 sinh năm 2002, trú tại thôn B xã B, huyện C;

+ Nông Kim Q2 sinh năm 1973, Phạm Thị Hà H37 sinh năm 1991, Hà Thị V7 sinh năm 1981, Nguyễn Duy K6 sinh năm 1994, Lê Đức A7 sinh năm 1991, Đinh Cương Q9 sinh năm 1986 đều trú tại tổ V, Ma Thị H38 sinh năm 1976, Hà Văn T68 sinh năm 1997, Phạm Thị B4 sinh năm 1998, Đoàn Thị Y sinh năm 1986, Lương Văn T69 sinh năm 1999, Phạm Văn Q10 sinh năm 1971, Phan Anh V8 sinh năm 1977 đều trú tại tổ V, Trần Doãn V9sinh năm 1995, Đàm Văn T36 sinh năm 1997 đều trú tại tổ V, Nguyễn Bá L8 sinh năm 1988 (cầm cố 03 kệ bằng gỗ), Vũ Trung Đ11sinh năm 1991, Tạ Thị N5sinh năm 1990, Phạm Tùng T29 sinh năm 1987 (cầm cố xe mô tô Yamaha Exciter biển số 22F1-112.99) đều trú tại tổ V, Hoàng Thành C11sinh năm 1989, Hoàng Đức C12 sinh năm 1985, Lâm Trung N6 sinh năm 1981, Nguyễn Thị H18 sinh năm 1994, đều trú tại tổ V, Hoàng Văn T70 sinh năm 1993, Nguyễn Thị L12 sinh năm 1996, đều trú tại tổ V, Lương Thế D14 sinh năm 1994, Lương Thế L13 sinh năm 2000, đều trú tại tổ V, thị trấn V; Trần Đức H39sinh năm 1988, Nguyễn Văn N7 sinh năm 1956, Lê Đức C13sinh năm 1990, Phạm Văn P3 sinh năm 1986, Hà Thị T71 sinh năm 1986 đều trú tại tổ V, Bùi Hà Quốc V10sinh năm 2004, Tạ Huy N8 sinh năm 1999, Phan Thái Q11 sinh năm 1997 đều trú tại tổ V, Lương Thế C14 sinh năm 1968, Phan Thế A8 sinh năm 1995, Nguyễn Trung K7 sinh năm 2006 đều trú tại tổ V; Đặng Thanh V11 sinh năm 1969, Phạm Như N8 sinh năm 1981, Phạm Ngọc H40 sinh năm 1970, Vương Quốc H41 sinh năm 1979 đều trú tại tổ V, Nguyễn Thị C15 sinh năm 1958, Lưu Trọng N3 sinh năm 1979 (cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 22H7-4151) đều trú tại tổ V; Đặng Thị T72 sinh năm 1998, Bùi Quang H42 sinh năm 1998, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

+ Ma Đình T73 sinh năm 2005, trú tại thôn V, Vũ Xuân T32 sinh năm 2007, trú tại thôn Q, xã V, huyện C;

+ Nguyễn Hữu C4 sinh năm 1989, trú tại thôn L, Nguyễn Văn T74 sinh năm 1997, trú tại thôn C, xã Y; huyện C;

+ Nguyễn Mạnh H17 sinh năm 1983 (cấm cố đăng ký xe mang tên Trần Quốc T40), Phạm Văn K8 sinh năm 1975, trú tại thôn Đ, xã T; huyện C;

+ Nguyễn Văn P4 sinh năm 1998, trú tại xã T; Hà Thiên V12 sinh năm 1991, trú tại thôn P, xã B; huyện C;

+ Ma Đình T75, sinh năm 1989, trú tại xã T; Quan Thành L14, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã T, huyện C;

+ Chu Duy K9 sinh năm 1994, Đặng Văn M6 sinh năm 2001, trú tại thôn K, xã K; huyện C;

+ Triệu Văn T76 sinh năm 1968, trú tại thôn K, xã T, huyện C;

+ Hà Văn T77 sinh năm 2000, Trần Doãn H43 sinh năm 1997, trú tại thôn N, Triệu V sinh năm 1998, trú tại thôn L, Nguyễn Đình N9 sinh năm 1996 trú tại thôn P, Nguyễn Đình N10 sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã H, huyện C;

+ Bàn Tài T30 sinh năm 1995 (cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter, biển số 22F1-384.61), Hoàng Văn C16 sinh năm 1990, Ngô Tuấn A8, sinh năm 1996 đều trú tại thôn N, Ma Văn T78 sinh năm 2003, trú tại thôn H, Hoàng Văn T79, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã H, huyện C;

+ Hà Phúc Đ12 sinh năm 1971, trú tại thôn L, Hoàng Văn H44 sinh năm 1977, trú tại thôn N, Nguyễn Xuân G1sinh năm 1997, trú tại thôn A, Tạ Văn T80, sinh năm 1996, trú tại thôn L, Hà Đình Đ6 sinh năm 1992 trú tại thôn A, xã T, huyện C;

+ Hoàng Minh Q12,sinh năm 2005, trú tại thôn K, Phan Anh T81, sinh năm 2003, Nông Văn L9 sinh năm 1991 đều trú tại thôn B, xã K; Lương Văn A9, sinh năm 1977 trú tại thôn P, xã K, huyện C (cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, biển số 22T1 – 039.95);

+ Đồng Đại P5 sinh năm 1996, trú tại thôn B, Ma Bá B5 sinh năm 1998, trú tại thôn N, xã M, huyện L; Lê Anh D6, sinh năm 1979 trú tại thôn P, Phùng Thanh P6 sinh năm 1995, Nguyễn Thị T82 sinh năm 1993 đều trú tại thôn B, Ma Phúc D14 sinh năm 2005, trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

+ Nguyễn Thị Dương H45, sinh năm 2007, trú tại thôn N, Ma Ngọc Q3 sinh năm 2005, trú tại thôn Đ, xã K, huyện C;

+ Phạm Văn T83 sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã T, huyện C; Lăng Văn B6 sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã Y, huyện C;

+ Triệu Thị T84 sinh năm 1965, trú tại thôn P, xã B, huyện C;

+ Đỗ Văn C17 sinh năm 1999, trú tại thôn A, xã T, huyện C;

+ Ngô Tiến H46 sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện C;

+ Lý Đức T85 sinh năm 2003, trú tại thôn C, xã H, huyện C;

+ Đồng Việt H47 sinh năm 1966, trú tại thôn K, xã L, huyện C;

+ Chu Hoàng Hương G2, sinh năm 2004, trú tại thôn T, thị trấn N; Duy Hà M7 sinh năm 2005, trú tại N, thị trấn N; Phạm Văn H21 sinh năm 1996 trú tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

+ Phạm Thị Minh A10 sinh năm 1996, Nguyễn Như M8 sinh năm 1992 đều trú tại xã P, huyện C.

- Đối với khoản vay của Nông Văn L9; Khoản vay 5.000.000đ của Ngô Đình H2; Khoản vay 5.000.000đ của Ma Thị T48; Khoản vay 8.000.000đ của Vũ Sơn T64 vào tháng 3/2022; Khoản vay 20.000.000đ của Nguyễn Văn L3 vào ngày 04/4/2022; Khoản vay 15.000.0000đ của Tạ Thị T4 vào các ngày 09/3/2023, 19/12/2022, 07/9/2023; Khoản vay 20.000.000đ của Phạm Hữu Đ2 vào ngày 14/3/2023 và khoản vay 24.000.000đ của Phạm Hữu Đ2 vào ngày

31/3/2023, Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ và người vay tiền đều không xác định được thời gian vay, thời gian trả tiền gốc, tiền lãi, số tiền gốc, tiền đã trả nên không xác định được phần trăm lãi suất cho vay để làm căn cứ xử lý.

- Đối với hành vi của Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 tham gia thu tiền gốc, tiền lãi của các anh Nguyễn Văn T5, Đỗ Mạnh T6, Nông Nhật D3, bà Trần Thị K3, quá trình điều tra xác định đây đều là những khoản vay cũ do Đỗ Việt Đ và Bàn Văn C cho vay, Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 không biết cụ thể các anh T5, T6, D3 và bà K3 đã vay bao nhiêu tiền, từ thời gian nào, lãi suất đã thỏa thuận cụ thể như thế nào. Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 và các anh T5, T6, D3, bà K3 cũng không xác định được Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu bao nhiêu lần tiền gốc, tiền lãi và thu được bao nhiêu tiền nên không có cơ sở để quy kết số tiền Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu lợi bất chính từ việc thu tiền gốc, tiền lãi của các anh T5, T6, D3, bà K3.

Đối với Khúc Huy D11 không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng cùng với Đ và C, không biết việc Đ và C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý Khúc Huy D11 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với Đinh Quang D9 và Phan Đăng L11 quá trình làm thuê cho Đỗ Việt Đ và Bàn Văn C, D9 và L11 chỉ tham gia trông coi quản lý quán Bi-a. Cơ quan điều tra không có tài liệu chứng minh D9 và L11 tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng cùng với Đ và C nên không có căn cứ để xử lý.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo Bản án đối với các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận giám định. Các bị cáo nhất trí luận tội, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền của các bị cáo): Hoàng Thị M, Phạm Ngọc B, Lê Văn T10, Hà Doãn L5, Lý Duy M2, Ma Văn V, Đỗ Ngọc T19, Trịnh Hoàng H11, Lý Kim C2, Ma Đức T23, Hoàng Thanh T26, Lâm Đức T29, Ma Văn T44 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc có yêu cầu các bị cáo trả lại tiền lãi thu lợi bất chính hay không. Xét thấy, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên chỉ trở ngại cho việc giải quyết yêu cầu về trả lại tiền lãi đã thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên, tách phần yêu cầu về trả lại tiền lãi đã thu lợi bất chính để giải quyết sau khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Tùng T29, Bàn Tài T30, Triệu Văn S2, Lưu Trọng N3, Nguyễn Bá L8, Chẩu Thị Thu P1, Nông Văn L9, Nông Kim Q2, Trần Văn H20, Vũ Xuân T32, Tô Văn T33, Vũ Thị T34, Đàm Văn T36, Trương Ngọc T37, Nông Tiến N4, Phạm Văn H21, Hà Đình Đ6, Ma Văn T41, Bế Ngọc H23, Đoàn Quốc T43, Ma Ngọc Q3 là những người có tài sản, tài liệu mà cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trong quá trình điều tra. Xét thấy, các tài sản, tài liệu này liên quan đến giao dịch dân sự giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các bị cáo, quá trình điều tra xác định các giao dịch dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hoặc không chứng minh được tội phạm nên cần trả lại các tài sản, tài liệu cho các bị cáo để các bị cáo tiếp tục thực hiện các giao dịch dân sự với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đều thành khẩn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 3/2022 đến tháng 12 năm 2023, các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C đã cho 90 người vay tiền với tổng số tiền 1.012.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm mười hai triệu đồng)*, lãi suất từ 101,389%/1 năm đến 2433,333%/1 năm, tổng số tiền lãi đã thu được là 411.693.687 đồng *(Bốn trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng)* (gấp 5,069 lần đến 121,667 lần so với quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự). Trong đó, tổng số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 53.423.455 đồng *(Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng)*; tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 358.270.232 đồng *(Ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba mươi hai đồng)*.

Bị cáo Kiều Xuân T đã có hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C trong việc tham gia cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc của 40 người

với mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 2433,333%/1 năm (gấp 5,475 lần đến 121,667 lần so với quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 114.338.672 đồng *(một trăm mười bốn triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng).*

Bị cáo Hoàng Anh T3 đã có hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C trong việc tham gia cho vay, thu tiền lãi, tiền gốc của 15 người với mức lãi suất từ 133,333%/1 năm đến 608,333%/1 năm (gấp 6,66 lần đến 30,4 lần so với quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 54.222.466 đồng *(năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).*

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Anh T3 về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đã chủ động trả lại một phần tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vũ Hải D8, Ma Văn V1, Bàn Hồng S1, Ma Ngọc T28, Nguyễn Quang H10, Hoàng Khắc Q, Hà Văn T15, Lê Anh D6, Nguyễn Mạnh H17, Nguyễn Thùy D4, Hà Thị Đ5, Bùi Vĩnh T13, Nông Văn K1, Bàn Văn K2, Đỗ Mạnh T6; tự nguyện nộp tiền tạm thu chờ xử lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (bị cáo Đỗ Việt Đ nộp 10.000.000 đồng, các bị cáo Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 mỗi người 5.000.000 đồng); các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bàn Văn C là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt:

Các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm, có sự bàn bạc, thống nhất trong thực hiện hoạt động cho vay và thu tiền lãi. Xét mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Để thực hiện hoạt động cho vay lãi bị cáo Đỗ Việt Đ góp số vốn 195.000.000 đồng, bị cáo Bàn Văn C góp số vốn 65.000.000 đồng và thuê bị cáo Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 giúp việc trong kinh

doanh cầm đồ, cho vay; Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 biết bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn giúp thực hiện hoạt động cho vay và thu tiền của người vay. Bị cáo Đỗ Việt Đ là người điều hành hoạt động cho vay, tuy không thường xuyên, trực tiếp thực hiện việc cho vay (bị cáo cho 07/90 người vay tiền) nhưng kết quả cho vay hằng ngày đều được bị cáo Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 báo cáo lại với bị cáo Đ. Bị cáo C là người quản lý thường xuyên tại cửa hàng Cầm đồ, trực tiếp cho 54/90 người vay tiền, giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Kiều Xuân T trực tiếp cho một số người vay tiền và giúp sức bị cáo Đ, C thu lãi bất chính số tiền 114.338.672 đồng, giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Bị cáo Hoàng Anh T3 trực tiếp cho một số người người vay tiền, giúp sức bị cáo Đ, C thu lãi bất chính số tiền 54.222.466 đồng, giữ vai trò thứ tư trong vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo, bị cáo Đỗ Việt Đ sẽ phải chịu mức hình phạt cao nhất, tiếp đến là bị cáo Bàn Văn C, bị cáo Kiều Xuân T và cuối cùng là bị cáo Hoàng Anh T3.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái và tự nguyện nộp lại một phần số tiền hưởng lợi bất chính và tiền tạm thu chờ xử lý nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà việc áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo vừa đảm bảo "Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Điều 3 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Do đó, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ Điều 32 Bộ luật Hình sự do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phùng Văn L2, Ma Đình T16, Páo Sám M1, Đinh Xuân D2, Giáp Ngọc A2, Tô Tiến Đ4, Tạ Thị T4, Nguyễn Đăng K4, Nguyễn Đức H3, Hà Vĩnh T7, Vũ Văn T8, Nông Nhật D3, Ma Thị H8, Phạm Hữu Đ2, Lèng Văn L4, Nguyễn Thị H4, Lèng Văn D7, Quan Văn T14, Quân Thành L6, Quân Đức A4, Quan Văn T12, Ma Văn H16, Nguyễn Mạnh T20, Đỗ Văn N, Nguyễn Thanh B1, Lục Văn T17, Bàn Văn H14, Ngô Đình H2, Ngô Gia M4 yêu cầu được bồi thường số tiền thu lợi bất chính đã bị Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 chiếm đoạt. Xét thấy Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 chỉ là những người làm thuê không được hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính nên cần áp dụng biện pháp tư pháp buộc các bị cáo Đ và C phải liên đới chịu trách

nhiệm trả lại số tiền này. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Đ, C phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên, cụ thể: Phùng Văn L2 = 3.643.836 đồng, Ma Đình T16 = 1.238.904 đồng, Páo Sám M1 = 13.808.219 đồng, Đinh Xuân D2 = 7.767.123 đồng, Giáp Ngọc A2 = 3.958.905 đồng, Tô Tiến Đ4 = 1.780.822 đồng, Tạ Thị T4 = 890.411 đồng, Nguyễn Đăng K4 = 3.797.260 đồng, Nguyễn Đức H3 = 1.839.041 đồng, Hà Vĩnh T7 = 534.247 đồng, Vũ Văn T8 = 1.035.616 đồng, Nông Nhật D3 = 4.808.219 đồng, Ma Thị H8 10.472.603 đồng, Phạm Hữu Đ2 345.205 đồng, Lèng Văn L4 = 890.411 đồng, Nguyễn Thị H4 = 1.780.822 đồng, Lèng Văn D7 = 890.411 đồng, Quan Văn T14 = 11.391.781 đồng, Quân Thành L6 = 4.556.713 đồng, Quân Đức A4 = 393.425 đồng, Quan Văn T12 = 3.106.849 đồng, Ma Văn H16 = 890.411 đồng, Nguyễn Mạnh T20 = 801.370 đồng, Đỗ Văn N = 6.620.548 đồng, Nguyễn Thanh B1 = 1.780.822 đồng, Lục Văn T17 = 400.685 đồng, Bàn Văn H14 = 15.304.111 đồng, Ngô Gia M4 = 1.602.740 đồng, Ngô Đình H2 = 310.685 đồng. Tổng số tiền bị cáo Đ, Cphải hoàn trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên là: 106.642.195 đồng *(Một trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).* Chia ra, bị cáo Đ, C mỗi người có nghĩa vụ liên đới trả lại ½ của số tiền nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tổng nghĩa vụ mà bị cáo Đ, C phải chịu là 106.642.195 đồng : 2 = 53.321.098 đồng *(Năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn không trăm chín mươi tám đồng)*.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Hồng H, chị Triệu Thanh H1, bà Trần Thị K3, anh Đặng Ngọc S, chị Đoàn Thị Phương T11, chị Đỗ Thị H5, Hà Thị Thanh H6, anh Trương Quang H7, anh Lê Đức H9, anh Trần Ngọc T21, anh Đào Ngọc Đ3, chị Nguyễn Thị X, anh Nông Văn C3, anh Lê Anh, anh Hoàng Văn H12, anh Lương Ngọc H13, chị Phạm Thị Mai H15, anh Vương Quốc V4, anh Hoàng Đức Đ6, anh Lê Tuấn N1, anh Lê Đức T9, chị Hoàng Thị X1, anh Nguyễn Văn T5, anh Trần Ngọc A1, chị Đinh Thị T18, anh Nguyễn Văn L3, anh Trần Chung Đ1, anh Nguyễn Quyết T24, chị Phùng Thị L7, anh Phạm Vũ D5, anh Phùng Thừa P1, anh Ma Văn T25, anh Đỗ Văn T22 không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị M, Phạm Ngọc B, Lê Văn T10, Hà Doãn L5, Lý Duy M2, Ma Văn V, Đỗ Ngọc T19, Trịnh Hoàng H11, Lý Kim C2, Ma Đức T23, Hoàng Thanh T26, Lâm Đức T29, Ma Văn T44 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc có yêu cầu các bị cáo trả lại tiền lãi thu lợi bất chính hay không – xác định đây là phần dân sự trong vụ án hình sự, phần dân sự này không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm và việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và sự vắng mặt của họ thật sự trở ngại cho việc giải quyết phần dân sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Công văn 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao tách phần yêu cầu về trả lại tiền lãi đã thu lợi bất chính để giải quyết sau khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu.

[7]. Về vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với các tài liệu, đồ vật, tài sản mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ trong quá trình điều tra, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu gồm: Đỗ Việt D, Bùi Thị D10, Bế Ngọc H23, Đoàn Quốc T43, Tàng Thị P, Nguyễn Thị H18, Đinh Quang D9.

Đối với 04 điện thoại di động không lên nguồn (03 điện thoại của bị cáo Đỗ Việt Đ, 01 điện thoại của bị cáo Bàn Văn C) xét không phải là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Đ, C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 22F1 - 415.90, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0707679, số khung RLHJK0342NY007649, màu sơn xanh, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 007328, biển kiểm soát xe 22F1 - 415.90 của Kiều Xuân T. Và 01 xe mô tô biển kiểm soát 22F1-426.61, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0209939, số khung RLHJK0331PY003683, màu sơn đen, đã qua sử dụng của Hoàng Anh T3. Quá trình xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 xác định đã sử dụng các xe mô tô mà những người vay tiền để lại cầm cố tại cửa hàng để làm phương tiện đi thu tiền và đôn đốc những người vay trả nợ (những người vay tiền không biết các bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội). Do vậy xác định 02 xe mô tô của bị cáo Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Những xe mô tô của người vay tiền để lại cầm cố là giao dịch dân sự giữa bị cáo C, Đ và những người này (giao dịch chưa thực hiện xong) nên cần trả lại cho các bị cáo C, Đ để các bị cáo tiếp tục thực hiện phần giao dịch dân sự còn lại với các chủ sở hữu.

Đối với các tài sản, đồ vật, tài liệu mà quá trình điều tra xác định liên quan đến các giao dịch dân sự giữa các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có dấu hiệu tội phạm hoặc không chứng minh được tội phạm và 12 sổ ghi chép của các bị cáo. Xét thấy cần trả lại cho bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C để các bị cáo thực hiện các giao dịch dân sự với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Phạm Văn H19, Nguyễn Bá L8, Chẩu Thị Thu P1, Bùi Duy P, Phạm Tùng T29, Bàn Tài T30, Triệu Văn S2, Ma Ngọc Q3, Lưu Trọng N3, Nguyễn Phạm Nhựt N2, Nông Văn L9, Đinh Xuân H22, Hà Đình Đ6, Nguyễn Thị Thu H24, Tô Văn T33, Vũ Thị T34, Vũ Xuân T32, Tô Văn T39, Lâm Thị T31, Nguyễn Hữu C4, Phạm Văn H21, Trần Văn H20, Đàm Văn T36, Phùng Thị T35, Nông Tiến N4, Nguyễn Đình T38, Lý Văn L10, Nông Kim Q2, Ma Văn T41, Nguyễn Mạnh H17, trú tại xã T, huyện C, Phạm Hữu Đ2 (đối với khoản vay sau ngày 14/3/2023 không chứng minh được tội phạm, Đ chưa trả nợ gốc cho các bị cáo), Lê Văn T10 (đối với khoản vay đầu tháng 9 năm 2023, không chứng minh được tội phạm, T10 chưa trả nợ gốc cho các bị cáo).

Đối với các tài sản, đồ vật đã thu giữ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong 90 người vay tiền (90 lần cho vay mà các bị cáo bị truy cứu

trách nhiệm hình sự), đã được xem xét, giải quyết trong vụ án này nên cần trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các tài sản, đồ vật đã thu giữ.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với tổng số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng *(Hai trăm mười triệu đồng)* mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo, gồm: Lâm Đức T29, Ma Văn T44, Nguyễn Đăng K4, Hà Vĩnh T7, Bàn Văn K2, Quân Thành L6, Páo Sám M1, Ma Văn T25, Phạm Hồng H, Lê Anh D6, Đinh Xuân D2, Bàn Văn H14, Hà Doãn L5, Ma Thị H8, Bùi Vĩnh T13, Đỗ Thị H5, Lý Duy M2, Nông Nhật D3, Quan Văn T14, Trần Chung Đ1, Trịnh Hoàng H11, Phạm Thị Mai H15, Hoàng Khắc Q, Ngô Gia M4, Hoàng Thị X1, Đỗ Mạnh T6.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền góp vốn ban đầu mà bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C sử dụng để cho vay. Trong đó bị cáo Đỗ Việt Đ là 195.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi lăm triệu đồng),* bị cáo Bàn Văn C là 65.000.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Tại phiên tòa bị cáo Đ xác định số tiền 7.200.000 *đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)* đã thu giữ trong quá trình điều tra là do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo Đ, C đã sử dụng để cho vay vì số tiền gốc này được xác định là công cụ phương tiện phạm tội của các bị cáo (sau khi đã đối trừ với số tiền góp vốn ban đầu của bị cáo Đ, C; số tiền các bị cáo Đ, C đã cho vay nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo mà đã truy thu nêu trên) là: 1.012.000.000 đồng – 195.000.000 đồng – 65.000.000 đồng - 210.000.000 đồng (tiền truy thu trực tiếp từ những người vay) = 542.000.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng)*. Mỗi bị cáo phải bị truy thu 1/2 của số tiền 542.000.000 đồng = 271.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng)*. Riêng bị cáo Đ được đối trừ số tiền 7.200.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)* đã thu giữ trong quá trình điều tra, bị cáo Đ bị truy thu 271.000.000 đồng – 7.200.000 đồng = 263.800.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C đã thu của người vay là 53.423.455 đồng *(Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng)*. Bị cáo Đ, C mỗi người phải bị truy thu 1/2 của số tiền 53.423.455 đồng là 53.423.455 đồng : 2 = 26.711.727 đồng *(Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng)*.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với 04 điện thoại di động mà bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền các bị cáo đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự được chuyển thành nghĩa vụ thi hành hình phạt chính.

[8] Vấn đề khác.

- Đối với hành vi cho vay và thu tiền lãi dưới 100%/năm (dưới 05 lần so với quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự) của các bị cáo Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đối với: Bùi Việt H26 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Hà Văn T46 sinh năm 1973, trú tại tổ V; Phạm Ngọc T47 sinh năm 1971, trú tại tổ V; Nguyễn Thế B2, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Ma Thị T48 sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã P, huyện C; Phùng Văn L2, sinh năm 1979, trú tại tổ I, phường H, thành phố T do không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi cho vay và không thu tiền lãi của các bị cáo Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 đối với: Trần Văn H20 sinh năm 1996, Nguyễn Quang V5sinh năm 1996, trú tại tổ V; Đinh Xuân H22 sinh năm 1991, Nguyễn Xuân H27 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Mai Công T49sinh năm 1978, Nguyễn Trung T50, sinh năm 1980, Bùi Quốc H28, sinh năm 2004, trú tại tổ V; Bùi Đức H29 sinh năm 1983, trú tại tổ V; Đinh Đức C5 sinh năm 1979, trú tại tổ V; Nguyễn Duy T51 sinh năm 1980, trú tại tổ V; Lương Quỳnh A5 sinh năm 2005 trú tại tổ V; Nguyễn Mạnh Q4 sinh năm 1991, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C; Nguyễn Đức T52, sinh năm 1986, trú tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Thành H30, sinh năm 1977, trú tại Xóm T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Ma Văn T53, sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã T, huyện L; Lê Văn T53, sinh năm 1987 trú tại thôn C, xã Y, huyện C; Lê Đức G, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã H, huyện C; Phạm Văn H19, sinh năm 1981, trú tại thôn P, Triệu Văn T54, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã P, huyện C; Vũ Thị T55 sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã N, huyện C; Đinh Ngọc Q5, sinh năm 1988, trú tại tổ 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quan Thị Q6 sinh năm 1989, trú tại thôn L, xã X, huyện C; Hoàng Văn T56 sinh năm 2000, trú tại thôn Làng Rèn, xã Hòa An, huyện C; Trương Đức N5 sinh năm 1988, trú tại thôn S, xã T, huyện C; Đỗ Ngọc T19 sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã V, huyện C; Hứa Đức T57 sinh năm 2007, trú tại thôn N, xã B, huyện C; Hà Thị C6, sinh năm 1999, trú tại Xóm B, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Vũ Văn P2, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã T, huyện L; Bùi Duy P, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; khoản vay 7.000.000 đồng vào tháng 9/2023 của Nguyễn Văn T5; khoản vay 10.000.000 đồng ngày 05/11/2023 của Bùi Vĩnh T13 do hành vi không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

- Trong vụ án này, ngoài những người đã vay tiền của các bị cáo nêu trên, các bị cáo còn cho một số người khác vay tiền và cầm cố tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:

+ Lê Đức Đ7, sinh năm 2001; Lý Quốc K4 sinh năm 1994, đều trú tại thôn C, xã H, huyện C;

+ Tô Văn T39 sinh năm 1998, trú tại thôn A, Nông Tiến Q7 sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, Lang Văn H31sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, Nguyễn Văn C7 sinh năm 1990, trú tại thôn T, Ma Thị Phương D12 sinh năm 2004, trú tại thôn A, Vũ Chí Đ8 sinh năm 1988, trú tại thôn P, Nguyễn Mạnh C8 sinh năm 1990, trú tại thôn A, Trần Đình K5 sinh năm 1995, trú tại thôn P, xã P, huyện C;

+ Lê Văn T10, sinh năm 1996, trú tại thôn T; Phùng Thị T35, Trương Ngọc T37 đều trú tại thôn T, Lê Thế T58 sinh năm 2000, Chẩu Thị Thu P1, sinh năm 2003 (cầm cố 01 thẻ sinh viên mang tên Chẩu Thị Thu P1) đều trú tại thôn Phố Trinh, Tô Duy T59 sinh năm 1991, Hoàng Văn D13 sinh năm 2005, đều trú tại thôn V, Lê Đại T60 sinh năm 2007, Đoàn Minh Q8, sinh năm 2005, đều trú tại thôn Q, Trần Đức H32sinh năm 2005, trú tại thôn S, Lê Duy Đ9 sinh năm 2004, trú tại thôn L, Ma Văn T61sinh năm 2003, trú tại thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

+ Nguyễn Đình T38 sinh năm 2001, Hà Doãn C9 sinh năm 1991, Hà Thị H33 sinh năm 1992, Hà Thị Đ10 sinh năm 1962, Trường Văn S3 sinh năm 19991 đều trú tại thôn L, Hà Đình C10 sinh năm 1994, Bùi Quang B3 sinh năm 1997, Tô Văn T33 sinh năm 1995 đều trú tại thôn N, Phạm Quang H34 sinh năm 2001, trú tại thôn N, xã X, huyện C;

+ Vũ Thị T34 sinh năm 1982, trú tại thôn N, Nguyễn Văn M5 sinh năm 2004, trú tại thôn N, Nguyễn Phương H35 sinh năm 2005, trú tại thôn Đ, Bàn Công T62 sinh năm 1994, trú tại thôn Bản Cải, Phan Chí T63 sinh năm 1986, trú tại thôn B, Vũ Sơn T64 sinh năm 2000, trú tại thôn Đ, Nguyễn Quốc T65 sinh năm 2006, trú tại thôn N, Đoàn Thị H36 sinh năm 1981, trú tại thôn N, Trần Đức V6 sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã N, huyện C;

+ Lý Văn L10 sinh năm 2003, trú tại thôn B; Trần Văn T66 sinh năm 1997, trú tại thôn K, xã N, huyện C;

+ Nông Tiến N4 sinh năm 2005, trú tại thôn N, Ngô Hương T67 sinh năm 2005, trú tại thôn B, Nguyễn Thị Kim A6 sinh năm 2002, trú tại thôn B xã B, huyện C;

+ Nông Kim Q2 sinh năm 1973, Phạm Thị Hà H37 sinh năm 1991, Hà Thị V7 sinh năm 1981, Nguyễn Duy K6 sinh năm 1994, Lê Đức A7 sinh năm 1991, Đinh Cương Q9 sinh năm 1986 đều trú tại tổ V, Ma Thị H38 sinh năm 1976, Hà Văn T68 sinh năm 1997, Phạm Thị B4 sinh năm 1998, Đoàn Thị Y sinh năm 1986, Lương Văn T69 sinh năm 1999, Phạm Văn Q10 sinh năm 1971, Phan Anh V8 sinh năm 1977 đều trú tại tổ V, Trần Doãn V9 sinh năm 1995, Đàm Văn T36 sinh năm 1997 đều trú tại tổ V, Nguyễn Bá L8 sinh năm 1988 (cầm cố 03 kệ bằng gỗ), Vũ Trung Đ11 sinh năm 1991, Tạ Thị N5 sinh năm 1990, Phạm Tùng T29 sinh năm 1987 (cầm cố xe mô tô Yamaha Exciter biển số 22F1-112.99) đều trú tại tổ V, Hoàng Thành C11 sinh năm 1989, Hoàng Đức C12 sinh năm 1985, Lâm Trung N6 sinh năm 1981, Nguyễn Thị H18 sinh năm 1994, đều trú tại tổ V, Hoàng Văn T70 sinh năm 1993, Nguyễn Thị L12 sinh năm 1996, đều trú tại tổ V, Lương Thế D14 sinh năm 1994, Lương Thế L13 sinh năm 2000, đều trú tại tổ V, thị trấn V; Trần Đức H39 sinh năm 1988, Nguyễn Văn N7 sinh năm 1956, Lê Đức C13 sinh năm 1990, Phạm Văn P3 sinh năm 1986, Hà Thị T71 sinh năm 1986 đều trú tại tổ V, Bùi Hà Quốc V10 sinh năm 2004, Tạ Huy N8 sinh năm 1999, Phan Thái Q11 sinh năm 1997 đều trú tại tổ V, Lương Thế C14 sinh năm 1968, Phan Thế A8 sinh năm 1995, Nguyễn Trung K7 sinh năm 2006 đều trú tại tổ V; Đặng Thanh V11 sinh năm 1969, Phạm Như N8 sinh năm 1981, Phạm Ngọc H40 sinh năm 1970, Vương

Quốc H41 sinh năm 1979 đều trú tại tổ V, Nguyễn Thị C15 sinh năm 1958, Lưu Trọng N3 sinh năm 1979 (cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 22H7-4151) đều trú tại tổ V; Đặng Thị T72 sinh năm 1998, Bùi Quang H42 sinh năm 1998, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

+ Ma Đình T73 sinh năm 2005, trú tại thôn V, Vũ Xuân T32 sinh năm 2007, trú tại thôn Q, xã V, huyện C;

+ Nguyễn Hữu C4 sinh năm 1989, trú tại thôn L, Nguyễn Văn T74 sinh năm 1997, trú tại thôn C, xã Y; huyện C

+ Nguyễn Mạnh H17 sinh năm 1983 (cấm cố đăng ký xe mang tên Trần Quốc T40), Phạm Văn K8 sinh năm 1975, trú tại thôn Đ, xã T; huyện C;

+ Nguyễn Văn P4 sinh năm 1998, trú tại xã T; Hà Thiên V12 sinh năm 1991, trú tại thôn P, xã B; huyện C

+ Ma Đình T75, sinh năm 1989, trú tại xã T; Quan Thành L14, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã T, huyện C;

+ Chu Duy K9 sinh năm 1994, Đặng Văn M6 sinh năm 2001, trú tại thôn K, xã K; huyện C

+ Triệu Văn T76 sinh năm 1968, trú tại thôn K, xã T, huyện C;

+ Hà Văn T77 sinh năm 2000, Trần Doãn H43 sinh năm 1997, trú tại thôn N, Triệu V sinh năm 1998, trú tại thôn L, Nguyễn Đình N9 sinh năm 1996 trú tại thôn P, Nguyễn Đình N10 sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã H, huyện C;

+ Bàn Tài T30 sinh năm 1995 (cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter, biển số 22F1-384.61), Hoàng Văn C16 sinh năm 1990, Ngô Tuấn A8, sinh năm 1996 đều trú tại thôn N, Ma Văn T78 sinh năm 2003, trú tại thôn H, Hoàng Văn T79, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã H, huyện C;

+ Hà Phúc Đ12 sinh năm 1971, trú tại thôn L, Hoàng Văn H44 sinh năm 1977, trú tại thôn N, Nguyễn Xuân G1 sinh năm 1997, trú tại thôn A, Tạ Văn T80, sinh năm 1996, trú tại thôn L, Hà Đình Đ6 sinh năm 1992 trú tại thôn A, xã T, huyện C;

+ Hoàng Minh Q12, sinh năm 2005, trú tại thôn K, Phan Anh T81, sinh năm 2003, Nông Văn L9 sinh năm 1991 đều trú tại thôn B, xã K; Lương Văn A9, sinh năm 1977 trú tại thôn P, xã K, huyện C (cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, biển số 22T1 – 039.95);

+ Đồng Đại P5 sinh năm 1996, trú tại thôn B, Ma Bá B5 sinh năm 1998, trú tại thôn N, xã M, huyện L; Lê Anh D6, sinh năm 1979 trú tại thôn P, Phùng Thanh P6 sinh năm 1995, Nguyễn Thị T82 sinh năm 1993 đều trú tại thôn B, Ma Phúc D14 sinh năm 2005, trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

+ Nguyễn Thị Dương H45, sinh năm 2007, trú tại thôn N, Ma Ngọc Q3 sinh năm 2005, trú tại thôn Đ, xã K, huyện C;

+ Phạm Văn T83 sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã T, huyện C; Lăng Văn B6 sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã Y, huyện C;

+ Triệu Thị T84 sinh năm 1965, trú tại thôn Phú Lâm, xã Bình Phú, huyện C;

+ Đỗ Văn C17 sinh năm 1999, trú tại thôn A, xã Tân An, huyện C;

+ Ngô Tiến H46 sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện C;

+ Lý Đức T85 sinh năm 2003, trú tại thôn C, xã H, huyện C;

+ Đồng Việt H47sinh năm 1966, trú tại thôn K, xã L, huyện C;

+ Chu Hoàng Hương G2, sinh năm 2004, trú tại thôn tổ 2, thị trấn N; Duy Hà M7 sinh năm 2005, trú tại tổ 5, thị trấn N; Phạm Văn H21 sinh năm 1996 trú tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

+ Phạm Thị Minh A10 sinh năm 1996, Nguyễn Như M8 sinh năm 1992 đều trú tại xã P, huyện C.

- Đối với khoản vay của Nông Văn L9; Khoản vay 5.000.000đ của Ngô Đình H2; Khoản vay 5.000.000đ của Ma Thị Thuận; Khoản vay 8.000.000đ của Vũ Sơn T64vào tháng 3/2022; Khoản vay 20.000.000đ của Nguyễn Văn L3 vào ngày 04/4/2022; Khoản vay 15.000.0000đ của Tạ Thị T4 vào các ngày 09/3/2023, 19/12/2022, 07/9/2023; Khoản vay 20.000.000đ của Phạm Hữu Đ2 vào ngày 14/3/2023 và khoản vay 24.000.000đ của Phạm Hữu Đ2 vào ngày 31/3/2023, Bàn Văn C, Đỗ Việt Đ và người vay tiền đều không xác định được thời gian vay, thời gian trả tiền gốc, tiền lãi, số tiền gốc, tiền đã trả nên không xác định được phần trăm lãi suất cho vay để làm căn cứ xử lý.

- Đối với hành vi của Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 tham gia thu tiền gốc, tiền lãi của các anh Nguyễn Văn T5, Đỗ Mạnh T6, Nông Nhật D3, bà Trần Thị K3, quá trình điều tra xác định đây đều là những khoản vay cũ do Đỗ Việt Đ và Bàn Văn C cho vay, Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 không biết cụ thể các anh T5, T6, D3 và bà K3 đã vay bao nhiêu tiền, từ thời gian nào, lãi suất đã thỏa thuận cụ thể như thế nào. Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 và các anh T5, T6, D3, bà K3 cũng không xác định được Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu bao nhiêu lần tiền gốc, tiền lãi và thu được bao nhiêu tiền nên không có cơ sở để quy kết số tiền Kiều Xuân T và Hoàng Anh T3 đã thu lợi bất chính từ việc thu tiền gốc, tiền lãi của các anh T5, T6, D3, bà K3.

Đối với Khúc Huy D11 không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng cùng với Đ và C, không biết việc Đ và C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý Khúc Huy D11 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với Đinh Quang D9 và Phan Đăng L11 quá trình làm thuê cho Đỗ Việt Đ và Bàn Văn C, D9 và L11 chỉ tham gia trông coi quản lý quán Bi-a. Cơ quan điều tra không có tài liệu chứng minh D9 và L11 tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng cùng với Đ và C nên không có căn cứ để xử lý.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 201, Điều 17, 58, 35, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Việt Đ, Kiều Xuân T;

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Văn C;

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Anh T3;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Phạt tiền bị cáo Đỗ Việt Đ 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*.

Phạt tiền bị cáo Bàn Văn C 230.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu đồng)*.

Phạt tiền bị cáo Kiều Xuân T 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

Phạt tiền bị cáo Hoàng Anh T3 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

Đối với số tiền các bị cáo đã tạm nộp ngày 04/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thành nghĩa vụ thi hành hình phạt chính, trong đó: Bị cáo Đỗ Việt Đ đã tạm nộp 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* theo biên lai số biên lai số 0001238; bị cáo Bàn Văn C đã tạm nộp 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai số 0001239; bị cáo Kiều Xuân T đã tạm nộp 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai số 0001241; bị cáo Hoàng Anh T3 đã tạm nộp 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* theo biên lai số 0001240.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu, cụ thể:

+ Phùng Văn L2 số tiền 3.643.836 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)*.

+ Ma Đình T16 số tiền 1.238.904 đồng (*Một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn chín trăm linh tư đồng)*.

+ Páo Sám M1 số tiền 13.808.219 đồng *(Mười ba triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng)*.

+ Đinh Xuân D2 số tiền 7.767.123 đồng (*Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng)*.

+ Giáp Ngọc A2 số tiền 3.958.905 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh năm đồng)*.

+ Tô Tiến Đ4 số tiền 1.780.822 đồng (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).*

+ Tạ Thị T4 số tiền 890.411 đồng *(Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).*

+ Nguyễn Đăng K4 số tiền 3.797.260 đồng *(Ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng)*.

+ Nguyễn Đức H3 số tiền 1.839.041 đồng *(Một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng)*.

+ Hà Vĩnh T7 số tiền 534.247 đồng *(Năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng)*.

+ Vũ Văn T8 số tiền 1.035.616 đồng *(Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)*.

+ Nông Nhật D3 số tiền 4.808.219 đồng (*Bốn triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng).*

+ Ma Thị H8 số tiền 10.472.603 đồng *(Mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng)*.

+ Phạm Hữu Đ2 số tiền 345.205 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).*

+ Anh Lèng Văn L4 số tiền 890.411 đồng (*Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).*

+ Nguyễn Thị H4 số tiền 1.780.822 đồng (*Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).*

+ Lèng Văn D7 số tiền 890.411 đồng (*Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).*

+ Quan Văn T14 số tiền 11.391.781 đồng (*Mười một triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng).*

+ Quân Thành L6 số tiền 4.556.713 đồng *(Bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng).*

+ Quân Đức A4 số tiền 393.425 đồng *(Ba trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*.

+ Quan Văn T12 số tiền 3.106.849 đồng *(Ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).*

+ Ma Văn H16 số tiền 890.411 đồng (*Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)*.

+ Nguyễn Mạnh T20 số tiền 801.370 đồng *(Tám trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng)*;

+ Đỗ Văn N số tiền 6.620.548 đồng *(Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng)*.

+ Nguyễn Thanh B1 số tiền 1.780.822 đồng *(Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*.

+ Lục Văn T17 số tiền 400.685 đồng *(Bốn trăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).*

+ Bàn Văn H14 số tiền 15.304.110 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng).*

+ Ngô Gia M4 số tiền 1.602.740 đồng *(Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).*

+ Ngô Đình H2 số tiền 310.685 đồng *(Ba trăm mười nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).*

Tổng số tiền bị cáo Đ, C phải hoàn trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên là: 106.642.195 đồng *(Một trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng)*. Chia ra, bị cáo Đ, Ccó nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 106.642.195 đồng : 2 = 53.321.098 đồng *(Năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn không trăm chín mươi tám đồng).* Bị cáo Đ, C có nghĩa vụ liên đới, mỗi người có nghĩa vụ trả ½ của số tiền nêu trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

4. Về vật chứng:

***** Trả lại các tài sản, đồ vật đã thu giữ trong quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm:

Trả 01 sổ hộ khẩu số 610238338, chủ hộ Đỗ Việt D, nơi thường trú tổ T (nay là tổ V), thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cho ông Đỗ Việt D.

Trả 01 sổ hộ khẩu số 610110351, chủ hộ Bùi Thị D10, nơi thường trú thôn Đ (nay là thôn Đ), xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cho bà Bùi Thị D10.

Trả 01 sổ tạm trú số 610039970, chủ hộ Bế Ngọc H23; nơi thường trú: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cho ông Bế Ngọc H23.

Trả 01 sổ hộ chiếu số C6166711, mang tên Đoàn Quốc T43; sinh ngày 05/11/1992; số CMND: 070957217 cho Đoàn Quốc T43, trú tại thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Trả 01 xe mô tô biển số 22F1-098.89, nhãn hiệu: HONDA, số loại: SH 125, số máy: JF42E0031974, số khung: RLHJF4215DY031963, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng cho Tàng Thị P, trú tại thôn N, xã B, huyện C.

Trả 01 xe mô tô biển số 22B2-721.77, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E5272232, số khung: RLHJK0313MZ065980, màu sơn đen, đã qua sử dụng cho Nguyễn Thị H18 trú tại thôn N, xã X, huyện C.

Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen; số IMEI: 356565085874271; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000324631415; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước cho Đinh Quang D9 sinh năm 1988, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C.

Trả bị cáo Đỗ Việt Đ: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, vỏ màu trắng; điện thoại không lên nguồn; 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung, vỏ màu đen; điện thoại không lên nguồn; 01 điện thoại di động kiểu dáng Oppo A16K, vỏ màu xanh; điện thoại không lên nguồn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả bị cáo Bàn Văn C 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, vỏ màu bạc; điện thoại không lên nguồn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Kiều Xuân T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 007328, biển số xe 22F1-415.90; 01 xe mô tô biển số 22F1-415.90, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0707679, số khung RLHJK0342NY007649, màu sơn xanh, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Trả lại cho Hoàng Anh T3 01 xe mô tô biển số 22F1-426.61, nhãn hiệu: HONDA, số loại VISION, số máy JK03E0209939, số khung RLHJK0331PY003683, màu sơn đen, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

***** Trả các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C các tài sản, giấy tờ đã thu giữ quá trình điều tra là các giao dịch dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hoặc không chứng minh được tội phạm gồm:

+ 01 giấy phép lái xe số: 080028002565, hạng C của Phạm Văn H19;

+ 01 kệ gỗ dài 2,4m; cao 0,82m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 kệ gỗ dài 2,21m; cao 0,82m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 kệ gỗ dài 2,21m; cao 0,76m; rộng 0,46m của Nguyễn Bá L8;

+ 01 thẻ sinh viên của Chẩu Thị Thu P1, sinh ngày 10/10/2003 do Trường Đại học tài chính – ngân hàng Hà Nội cấp;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 95 trang có chữ và số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 95; ký hiệu 01;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong không có chữ, số; ký hiệu 02;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 62 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 62; ký hiệu 03;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 120 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 120; ký hiệu 04;

+ 01 sổ bìa màu nâu, bên trong có 86 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 86; ký hiệu 05;

+ 01 sổ ghi chép, bên ngoài sổ có ghi chữ "sổ ghi thù vặt", bên trong có 02 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02; ký hiệu 06;

+ 01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên ngoài sổ có ghi "tháng 7/2023", bên trong có 11 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 11; ký hiệu 07;

+01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong không có nội dung gì; ký hiệu 08;

+ 01 sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong không có nội dung gì; ký hiệu 09;

+ 01 (một) sổ ghi chép, bìa màu xanh, bên trong có 04 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 04; ký hiệu 10;

+ 01 sổ bìa màu đen, bên trong có 16 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 16; ký hiệu 11;

+ 01 sổ bìa màu vàng, bên trong có 08 trang có chữ, số, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08; ký hiệu 12;

+ 01 xe mô tô biển số 22B1-620.66, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE, số máy: JF46E-2017115, số khung: RLHJF RLHJF4618EY011685, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 066477 mang tên Ma Thị N11, sinh năm 1967, trú tại thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22B1-620.66 của Bùi Duy P;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-112.99, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy: 55P1299086, số khung: 55P10DY299061, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Phạm Tùng T29;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-384.61, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: JUPITER, số máy: E3S1E149621, số khung: RLCUE1370MY001805, màu sơn đen, đã qua sử dụng của Bàn Tài T30;

+ 01 xe mô tô biển số 22B1-822.13, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, số máy: G3D4E117627, số khung: RLCUG0610FY105520, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Triệu Văn S2;

+ 01 xe mô tô biển số 29E1-024.76, nhãn hiệu: HONDA, số loại: HC120 WAVE ALPHA, số máy: HC12E2845672, số khung: RLHHC120XBY045593, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 052429 mang tên Cao Xuân N4, sinh năm 1982, trú tại 212 Nhà X, G, C, C, Hà Nội, biển số xe 29E-024.76 của Phạm Hữu Đ2;

+ 01 xe mô tô biển số 20F1-021.04, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: VZS152FMH443718, số khung: RLPDCHCHY9B003718, màu sơn cam, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 010469 mang tên Hoàng Thị T45, sinh năm 1966, trú tại Xóm 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, biển số xe 20F1-021.04 của Ma Ngọc Q3;

+ 01 xe mô tô biển số 22H7-4151, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: JUPITER, số máy: 5VT134213, số khung: VYAJ5VT14YA034213, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0047963 mang tên Nguyễn Thị Thu H24, sinh năm 1983, trú tại TDP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22H7-4151 của Lưu Trọng N3;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-335.21, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: JA39E2016216, số khung: RLHJA3926LY015471, màu sơn đen, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 025233

mang tên Lê Văn T42, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-335.21 của Lê Văn T10;

+ 01 giấy phép lái xe số: 200219002369, hạng A1 của Nông Văn L9;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22007729 mang tên Đinh Xuân H22, sinh năm 1991, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-418.93;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 021933 mang tên Nguyễn Đăng K4, sinh năm 1995, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-314.39;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 025772 mang tên Hà Đình Đ6, sinh năm 1992, trú tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-342.36;

+ 01 căn cước công dân số 008095004214 mang tên Tô Văn T33;

+ 01 căn cước công dân số 008182011340 mang tên Vũ Thị T34;

+ 01 căn cước công dân số 008207003555 mang tên Vũ Xuân T32;

+ 01 căn cước công dân số 008098008121 mang tên Tô Văn T39;

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 070652593 của Lâm Thị T31;

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 151832759 của Nguyễn Hữu C4;

+ 01 căn cước công dân số 008096009494 mang tên Phạm Văn H21;

+ 01 căn cước công dân số 008096000367 mang tên Trần Văn H20;

+ 01 căn cước công dân số 008097001484 mang tên Đàm Văn T36;

+ 01 căn cước công dân số 008301003353 mang tên Phùng Thị T35;

+ 01 căn cước công dân số 008203000496 mang tên Nông Tiến N4;

+ 01 căn cước công dân số 008201003261 mang tên Nguyễn Đình T38;

+ 01 căn cước công dân số 008203006101 mang tên Lý Văn L10;

+ 01 căn cước công dân số 008073008082 mang tên Nông Kim Q2;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002690 mang tên Ma Văn T41, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22B1-759.95;

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-356.95, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALPHA, số máy: JA39E2212180, số khung: RLHJA3929MY094877, màu sơn xanh, đã qua sử dụng của Nguyễn Phạm Nhựt N2.

+ 01 xe mô tô biển số 22F1-386.47, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE S, số máy: JC43E0603495, số khung: RLHJC43139Y070548, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 22005491 mang tên Trần Quốc T40, sinh năm 1982, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22F1-386.47 của Nguyễn Mạnh H17, trú tại xã T, huyện C;

* Trả lại các tài sản, đồ vật đã thu giữ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong 90 người vay tiền (90 lần vay mà các bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự) đã được xem xét, giải quyết trong vụ án, gồm:

Trả Hà Vĩnh T7 01 xe mô tô biển số 22F1-044.54, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: GRAVITA, số máy: 31CA007863, số khung: RLCG31C40CY003011, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 004869, biển số xe 22F1-044.54.

Trả Hoàng Thị X1 01 xe mô tô biển số 22FA-001.59, nhãn hiệu: DETECH, số loại: SUPERCUB 50V, số máy: 139FMB013126, số khung: 1PEBA013126, màu sơn xanh, đã qua sử dụng.

Trả Bàn Văn K2 01 xe mô tô biển số 22B1-135.19, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: 5C61023400, số khung: RLCS5C6106Y023400, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 011354 mang tên Nguyễn Thị Thương H48, sinh năm 1987, trú tại tổ H, phường H, Thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, biển số xe 22B1-135.19;

Trả Lê Tuấn N1 01 giấy chứng minh nhân dân số 070512051;

Trả Đinh Thị T18 01 giấy chứng minh nhân dân số 071058039;

Trả Lâm Đức T29 sinh năm 2004, trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C 01 căn cước công dân số 008204001204

Trả Ma Văn T44 sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã P, huyện L 01 căn cước công dân số 008099004431

Trả Hoàng Đức Đ6, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã N, huyện C 01 căn cước công dân số 008092008667.

Trả Vương Quốc V4 trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C 01 căn cước công dân số 008092000481.

Trả Hà Văn T15 trú tại thôn V, xã V, huyện C 01 căn cước công dân số 008203001637.

Trả Đỗ Mạnh T6, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 015833, biển số xe 22F1-266.43;

***** Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu xanh, số IMEI: 353970106439315; số IMEI 2: 353970106380246; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000025309620; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước của Đỗ Việt Đ do sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, vỏ màu vàng, số IMEI: 355696077082820; số MEID: 35569607708282; bên trong lắp 01 sim Viettel, số sim: 8984048000930416393; điện thoại cũ đã qua sử dụng, trên vỏ máy có nhiều vết xước của Bàn Văn C do sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại Iphone XS Max; số máy: MT5M2LL/A; số sêri: G6TXMCDVKPHF; số IMEI: 357274097176077; số IMEI 2: 357274097202915; bên trong lắp 01 sim có số sêri: 8984048000023035611; điện thoại cũ đã qua sử dụng của Kiều Xuân T do sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại Iphone 7 Plus; số máy: NNQR2LL/A; số sêri: FYQYF43QHG04; số IMEI: 355354089497442; bên trong

lắp 01 sim có số sêri: 8984048000052259322; điện thoại cũ đã qua sử dụng của Hoàng Anh T3 do sử dụng vào việc phạm tội.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chiêm Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 11/3/2024.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.200.000 *đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)* thu giữ của Đỗ Việt Đ do phạm tội mà có. (*Số tiền hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3591.0.1065091.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo ủy nhiệm chi số 03 ngày 06/3/2024)*.

*** Truy thu sung ngân sách nhà nước:**

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) chưa trả số tiền gốc đã vay của các bị cáo Đ, C với tổng số tiền là 210.000.000 đồng *(Hai trăm mười triệu đồng),* cụ thể:

+ Truy thu đối với Lâm Đức T29 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Ma Văn T44 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Nguyễn Đăng K4 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Hà Vĩnh T7 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Bàn Văn K2 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Quân Thành L6 số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Páo Sám M1 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Ma Văn T25 số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Phạm Hồng H số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Lê Anh D6 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Đinh Xuân D2 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Bàn Văn H14 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Hà Doãn L5 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Ma Thị H8 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Bùi Vĩnh T13 số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Đỗ Thị H5 số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Lý Duy M2 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Nông Nhật D3 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Quan Văn T14 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Trần Chung Đ1 số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Trịnh Hoàng H11 số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Phạm Thị Mai H15 số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Hoàng Khắc Q số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Ngô Gia M4 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

+ Truy thu đối với Hoàng Thị X1 số tiền 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng).*

+ Truy thu đối với Đỗ Mạnh T6 số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền góp vốn ban đầu mà bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C sử dụng để cho vay. Trong đó bị cáo Đỗ Việt Đ là 195.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi lăm triệu đồng),* bị cáo Bàn Văn C là 65.000.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền các bị cáo Đ, Cđã sử dụng để cho vay vì số tiền gốc này được xác định là công cụ phương tiện phạm tội của các bị cáo (sau khi đã đối trừ với số tiền góp vốn ban đầu của bị cáo Đ, C ; số tiền các bị cáo Đ, C đã cho vay nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo mà đã truy thu nêu trên) là: 1.012.000.000 đồng – 195.000.000 đồng – 65.000.000 đồng - 210.000.000 đồng (tiền truy thu trực tiếp từ những người vay) = 542.000.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng)*. Mỗi bị cáo phải bị truy thu 1/2 của số tiền 542.000.000 đồng = 271.000.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi mốt triệu đồng).* Riêng bị cáo Đ được đối trừ số tiền 7.200.000 *đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)* đã thu giữ trong quá trình điều tra, bị cáo Đ bị truy thu 271.000.000 đồng – 7.200.000 đồng = 263.800.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm nghìn đồng)*.

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C đã thu của người vay là 53.423.455 đồng *(Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng)*. Bị cáo Đ, C mỗi người phải bị truy thu 1/2 của số tiền 53.423.455 đồng là 53.423.455 đồng : 2 = 26.711.727 đồng *(Hai mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng)*.

5. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền của bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C đối với số tiền lãi mà họ đã trả cho các bị cáo tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm khi có yêu cầu.

6. Về án phí: Các bị cáo Đỗ Việt Đ, Bàn Văn C, Kiều Xuân T, Hoàng Anh T3 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Công an huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Tòng - Tưởng Thị Thu **Lê Tuấn Tú**